ĐẠI TẠNG KINH NHẬP MÔN



Giới Thiệu 139 Kinh Điển Phật Giáo

Hán dịch: Thích Ấn Hải, Thích Nguyện Quỷnh

Việt dịch: TT.Thích Viên Lý

Viện Triết Lý Việt Nam và Triết Học Thế Giới xuất bản 1999

---o0o---

Nguồn

http://www.quangduc.com

Chuyển sang ebook 14-01-2012

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org

Mục Lục

9. Đại Lạc Kim Cang Bất Không Chân Thật Tam Ma Dà Kinh
10. Nhơn Vương Bát Nhã Ba Ma Mật Kinh
11. Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh
13. Vô Lượng Nghĩa Kinh
14. Quán Phổ Hiền Bồ Tát
15. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh
16. Thắng Man Sư Tử Hống Nhất Thừa Đại Phương Tiện Phương Quảng Kinh
17. Vô Lượng Thọ Kinh
18. Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh
19. A Di Đà Kinh
20. Đại Bát Niết Bàn Kinh
21. Phật Thùy Bát Niết Bàn
22. Đại Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh
24. Dược Sư Lưu Li Quang Như Lai Bản Nguyện Công Đức Kinh
25. Di Lặc Hạ Sanh Thành Phật Kinh
26. Văn Thù Sư Lợi Vấn Kinh
27. Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh
28. Nguyệt Thượng Nữ Kinh
29. Tọa Thiền Tam Muội Kinh
30. Đạt Ma Đa La Thiền Kinh
31. Nguyệt Đăng Tam Muội Kinh
32. Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội Kinh
33. Kim Quang Minh Tối Thắng Vương Kinh
34. Nhập Lăng Già Kinh
35. Giải Thân Mật Kinh
36. Vu Lan Bồn Kinh
37. Tứ Thập Nhị Chương Kinh
38. Đại Phương Quảng Viên Giác Tu Đa La
39. Đại Tì Lo Giá Na Thành Phật Thần Biến Gia Trì Kinh
40. Kim Cang Đảnh Nhất Thiết Như Lai Chân Thật Nhiếp Đại Thừa Hiện Chứng Đại Giáo Vương Kinh
41. Tô Tất Địa Yế La Kinh
42. Ma Đăng Già Kinh
43. Ma Ha Tăng Chỉ Luật
44. Tứ Phần Luật
45. Thiện Kiến Luật Tì Bà Sa
46. Phạm Võng Kinh
47. Ưu Bà Tắc Giới Kinh
48. Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Ưu Bà Đề Xá
49. Thập Trụ Tì Bà Sa Luận
50. Phật Địa Kinh Luận
51. A Ti Đạt Ma Câu Xá Luận
52. Trung Luận
53. Du Già Sư Địa Luận
54. Thành Duy Thức Luận
55. Duy Thức Tam Thập Luận Tụng

56. Duy Thức Nhị Thập Luận
57. Nhiếp Đại Thừa Luận
58. Biện Trung Biện Luận
59. Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luận
60. Đại Thừa Thành Nghiệp Luận
61. Cứu Cánh Nhất Thừa Bảo Tánh Luận
62. Nhơn Minh Nhập Chánh Lý Luận
63. Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận
64. Kim Cang Châm Luận
65. Chương Sở Tri Luận
66. Bồ Đề Hành Kinh
67. Kim Cang Đỉnh Du Già Trung Phát a Nậu Đa La Tam Miệu Tam
68. Đại Thừa Khởi Tín Luận
69. Thích Ma Ha Diễn Luận
70. Na Tiên Tỳ Kheo Kinh

PHẦN II - KINH ĐIỂN TRUNG HOA

71. Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh U Táng
72. Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa
73. Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ
74. Tam Luận Huyền Nghĩa
75. Đại Thừa Huyền Luận
76. Triệu Luận
77. Hoa Nghiêm Nhất Thừa
78. Nguyên Nhơn Luận
79. Ma Ha Chỉ Quán
80. Tu Tập Chỉ Quán Tọa Thiền Pháp Yếu
81. Thiên Thai Tứ Giáo Nghi
82. Quốc Thanh Bách Lục
83. Trấn Châu Lâm Tế Huệ Chiếu Thiền Sư Ngữ Lục
84. Phật Quả Viên Ngộ Thiền Sư Bích Nham Lục
85. Vô Môn Quan
86. Lục Tổ Đại Sư Pháp Bảo Đàn Kinh
87. Tín Tâm Minh
88. Hoàng Bá Sơn Đoạn Tế Thiền Sư Truyền Tâm Pháp Yếu
89. Vĩnh Gia Chứng Đạo Ca
90. Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy
91. Di Bộ Tông Luân Luận
92. A Dục Vương Kinh
93. Mã Minh Bồ Tát Truyện
94. Long Thọ Bồ Tát Truyện
95. Bà Tẩu Bàn Đậu Pháp Sư Truyện
96. Đại Đường Đại Từ Ân Tự Tam Tạng Pháp Sư Truyện
97. Cao Tăng Truyện
98. Tỳ Kheo Ni Truyện
99. Cao Tăng Pháp Hiển Truyện
100. Đại Đường Tây Vực Ký

101. Đường Đại Hòa Thượng Đông Chinh Truyện
102. Hoằng Minh Tập
103. Phá Uyển Châu Lâm
104. Nam Hải Ký Qui Nội Pháp Truyện
105. Phạn Ngữ Tạp Danh

PHẦN III - KINH ĐIỂN NHẬT BỔN

106. Thắng Man Kinh Nghĩa Sớ
107. Duy Ma Kinh Nghĩa Sớ
108. Pháp Hoa Nghĩa Sớ
109. Bát Nhã Tâm Kinh Bí Kiện
110. Đại Thừa Pháp Tướng Nghiên Thần Chương
111. Quán Tâm Giác Mộng Sao
112. Luật Tông Cương Yếu
113. Thiên Thai Pháp Hoa Tông Nghĩa Tập
114. Hiển Giới Luận
115. Sơn Gia Học Sinh Thức
116. Bí Tàng Bảo Thược
117. Biện Hiển Mật Nhị Giáo Luận
118. Tức Thân Thành Phật Nghĩa
119. Thanh Tự Thực Tướng Nghĩa
120. Nghĩa Chữ "Hùm"
121. Ngũ Luân Cửu Tự Minh Bí Mật Thích
122. Mật Nghiêm Viện Phát Lộ Sám Hối Văn
123. Hưng Thiền Hộ Quốc Luận
124. Phổ Khuyến Tọa Thiền Nghi
125. Chánh Pháp Nhãn Tàng
126. Tọa Thiền Dụng Tâm Ký
127. Tuyển Trạch Bản Nguyện Niệm Phật Tập
128. Hiển Tịnh Độ Chân Thật Giáo Hành Chứng Văn Loại
129. Thán Dị Sao
130. Liên Như Thượng Nhơn Ngự Văn
131. Vãng Sanh Yếu Tập
132. Lập Chánh An Quốc Luận
133. Khai Mục Sao
134. Quán Tâm Bổn Tôn Sao
135. Phụ Mẫu Ân Trọng Kinh
136. Bát Tông CươngYếu
137. Tam Giáo Chỉ Qui
138. Mạt Pháp Đăng Minh Ký
139. Thập Thất Điều Hiến Pháp

---o0o---

Trong suốt thời gian 45 năm, từ lúc giác ngộ năm 35 tuổi cho tới khi nhập diệt năm 80 tuổi, Đức Phật Thích Ca đã thuyết giảng giáo lý của ngài một

cách liên tục. Lời giảng của ngài được ứng dụng tùy theo khả năng lãnh hội và hoàn cảnh của người nghe, giống như phương thuốc được ứng dụng thích hợp với nhu cầu của bệnh nhân. Kết quả là những kinh điển ghi chép lại ngôn giáo của ngài đã đạt tới số lượng rất lớn.

Sau khi Đức Phật nhập diệt, các đệ tử tiếp tục truyền bá giáo lý của ngài trong nhân gian. Đồng thời, để bảo đảm giáo lý của ngài một cách trung thực cho hậu thế, họ đã gom lại kết tập để soạn thành một tập toàn bộ kinh điển. Họ đã bàn luận suốt mấy tháng để bảo đảm không có những sai lầm khi nhớ lại những lời giảng mà các vị thánh tăng đã được nghe từ Đức Phật. Kết quả của công việc đó là toàn bộ giáo lý được chính thức kết tập, làm căn bản cho những kinh điển được viết ra sau này.

Lúc đầu, kinh điển Phật giáo gồm hai bộ chính là "kinh" (sutra) và "luật" (vinaya): "Kinh" ghi lại giáo lý của Đức Phật, "Luật" là những giới luật mà Đức Phật đã chế định cho hàng tăng nhân tu hành tại các tự viện. Về sau này có thêm những lời chú giải về kinh và luật đó, và được gọi chung là "luận" (abhidharma), kết quả là có ba bộ sách gồm kinh, luật, và luận, tức là "Tam Tạng" (Tripitaka). Dần dần xuất hiện những dị biệt trong những lời giải thích về giáo lý của Đức Phật và giới luật của tự viện; và, điều đó gây ra sự phân rẽ trong cộng đồng Phật giáo, đưa tới sự phân chia thành hai bộ phái chính yếu đó là Thượng Tọa Bộ (Therevada) có tinh thần bảo thủ và Đại Chúng Bộ (mahasamghika) có tinh thần cấp tiến. Mỗi bộ phái có một bộ kinh điển riêng, được coi là chính thức bao gồm những quan điểm của mỗi phái.

---o0o---

ĐÔI LỜI CỦA DỊCH GIẢ

Đại Tạng Kinh hiện là một kho tàng pháp bảo vô giá của Phật giáo. Lẽ ra, với một kho tàng pháp bảo vô giá như thế, Đại Tạng Kinh này cần và đã phải được dịch sang Việt ngữ từ lâu, nhưng rất tiếc, vì hoàn cảnh chiến tranh, lệ thuộc, áp bức, v.v... mà mãi đến nay Đại Tạng Kinh ấy vẫn chưa được chuyển dịch trọn vẹn sang Việt ngữ; trong khi đó, một số các quốc gia khác như Đại Hàn, Nhật Bổn, Trung Hoa, v.v... đều đã có từ lâu một Đại Tạng được phiên dịch sang tiếng mẹ đẻ của họ, chẳng những thế, họ còn bỏ công nghiên cứu và tóm lược nội dung của toàn bộ Kinh, Luật, Luận trong Đại Tạng nhằm giới thiệu đến mọi tầng lớp Phật tử như tác phẩm giá trị này chẳng hạn.

Sự vắng bóng của một Đại Tạng bằng tiếng mẹ đẻ là một thiếu sót lớn đối với Phật Giáo Việt Nam và không những thế, còn là một thiệt thòi không kém cho những ai muốn nghiên tầm toàn bộ tư tưởng Phật giáo nhưng không đủ khả năng ngoại ngữ.

Như đã nêu trên, Đại Tạng Kinh Nhập Môn là một tặng phẩm vô giá cho những ai muốn tìm hiểu một cách tổng quát về Tam Tạng Kinh Điển của Phật Giáo. Dĩ nhiên, đây chưa phải là tác phẩm trình bày đầy đủ về Đại Tạng, nhưng, như bản hoài của Hiệp Hội Truyền Giáo, chắc chắn trong một tương lai không xa, những tác phẩm tương tự sẽ tiếp tục xuất bản để đáp ứng thỏa đáng những khát vọng tu học chân chính của mọi Phật tử.

Gần đây, có một số tôn đức đã đặc biệt quan tâm đến vấn đề này. Hy vọng trong một tương lai gần, những giấc mơ chánh đáng sẽ biến thành hiện thực.

Trong khi chờ đợi một Đại Tạng bằng Việt ngữ xuất hiện, chung hòa với niềm thao thức của mọi người, chúng tôi cố gắng chuyển dịch quyển Đại Tạng Kinh Nhập Môn giá trị này như là một đóng góp nhỏ trong việc truy cứu cần thiết cho những ai đã, đang, và sẽ khát cầu giáo pháp như thật của đức Phật. Dù tự biết khả năng hữu hạn, thời lượng eo hẹp, dịch giả vẫn cố gắng phiên dịch trong tinh thần thượng cầu hạ hóa. Rất mong các bậc cao minh bi mẫn bổ chính.

Tất cả công đức nếu có trong phần dịch thuật, xin hồi hướng lên mười phương Chư Phật để cầu nguyện cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất sớm được phục hoạt nhằm tiếp tục sứ mệnh thiêng liêng cao cả của mình đối với dân tộc và nhân sinh.

Cầu nguyện mọi loài có được đời sống an lành trong ánh hào quang nhiệm mầu của chánh pháp.

Cẩn bút,
Thích Viên Lý
Tu viện Bảo Pháp
Mùa Báo Hiếu PL 2543 – 1999

---o0o---

LỜI NÓI ĐẦU

Hiệp Hội Truyền Đạo Phật Giáo là một tổ chức không phân biệt tông phái chuyên chú vào việc hoằng dương Phật Pháp trên khắp thế giới, và, với mục đích này Hiệp Hội đã thi hành những hoạt động truyền đạo, bao gồm cả việc soạn thảo và lưu hành giáo lý của Đức Phật.

Trong số những hoạt động này, Hiệp Hội đã quyết định thực thi mọi công trình mới: phiên dịch sang Anh ngữ toàn bộ Hán dịch của Đại Tạng Kinh. Vì vậy, một Ủy Ban Chuẩn Bị đã được thành lập vào tháng Tư năm 1982 để hoạch định những phối trí sơ khởi. Năm 1983, một Ủy Ban Biên soạn cũng theo đó thành lập, và từ đó công trình đã được tiến hành một cách nhiệt thành.

Việc dịch sang Anh ngữ và ấn loát Đại Tạng Kinh, mà muốn hoàn thành chỉ trong một thời gian ngắn thì quả thật là một việc khó khăn. Vì vậy, Hiệp Hội đã quyết định tuyển chọn 139 kinh điển Phật giáo đã được soạn ở Ấn Độ, Trung Hoa và Nhật Bản để lập thành Bộ Thứ Nhứt gồm 100 tập, để phiên dịch và sẽ xuất bản vào cuối năm 2000.

Mục đích của cuốn sách này là cung cấp những bài giới thiệu ngắn gọn về nội dung của 139 kinh điển đã được chuyển chọn, với hy vọng giúp độc giả hiểu tại sao những kinh điển đó đã được tuyển chọn cho Bộ Thứ Nhứt.

Chúng tôi thành tâm cầu mong rằng công trình lớn lao này sẽ không chấm dứt ở Bộ Thứ Nhứt, mà sẽ tiếp tục tới cùng và sẽ hoàn thành vào thời gian sớm nhứt.

Sau cùng, tôi xin bày tỏ sự tri ân đối với Tiên Sinh S. R. Giebel vì đã phụ trách việc dịch cuốn sách này sang Anh ngữ.

Hoa Sơn Thắng Hữu
(Chủ Tịch Ủy Ban phiên dịchĐại Tạng Kinh sang Anh ngữ Tháng 8 năm 1984)

---o0o---

PHỤ LỤC - NGUỒN GỐC ĐẠI TẠNG KINH

Thành Lập Đại Tạng Kinh Ngôn của Đức Phật Thích Ca

Trong suốt thời gian 45 năm, từ lúc giác ngộ năm 35 tuổi cho tới khi nhập diệt năm 80 tuổi, Đức Phật Thích Ca đã thuyết giảng giáo lý của ngài một cách liên tục. Lời giảng của ngài được ứng dụng tùy theo khả năng lãnh hội và hoàn cảnh của người nghe, giống như phương thuốc được ứng dụng thích hợp với nhu cầu của bệnh nhân. Kết quả là những kinh điển ghi chép lại ngôn giáo của ngài đã đạt tới số lượng rất lớn.

Sau khi Đức Phật nhập diệt, các đệ tử tiếp tục truyền bá giáo lý của ngài trong nhân gian. Đồng thời, để bảo giáo lý của ngài một cách trung thực cho hậu thế, họ đã gom lại kết tập để soạn thành một toàn bộ kinh điển. Họ đã bàn luận suốt mấy tháng để bảo đảm không có những sai lầm khi nhớ lại những lời giảng mà các vị thánh tăng đã được nghe từ Đức Phật. Kết quả của công việc đó là toàn bộ giáo lý được chính thức kết tập, làm căn bản cho những kinh điển được viết ra sau này.

---o0o---

Thành Lập Tam Tạng và Sự Phân Rẽ Giáo Đoàn Phật Giáo

Lúc đầu, kinh điển Phật giáo gồm hai bộ chính là “kinh” (sutra) và “luật” (vinaya): “Kinh” ghi lại giáo lý của Đức Phật, “Luật” là những giới luật mà Đức Phật đã chế định cho hàng tăng nhân tu hành tại các tự viện. Về sau này có thêm những lời chú giải về kinh và luật đó, và được gọi chung là “luận” (abhidharma), kết quả là có ba bộ sách gồm kinh, luật, và luận, tức là “Tam Tạng” (Tripituka). Dần dần xuất hiện những dị biệt trong những lời giải thích về giáo lý của Đức Phật và giới luật của tự viện; và, điều đó gây ra sự phân rẽ trong cộng đồng Phật giáo, đưa tới sự phân chia thành hai bộ phái chính yếu đó là Thượng Tọa Bộ (Therevada) có tinh thần bảo thủ và Đại Chúng Bộ (mahasamghika) có tinh thần cấp tiến. Mỗi bộ phái có một bộ kinh điển riêng, được coi là chính thức bao gồm những quan điểm của mỗi phái.

---o0o---

Kinh Điển Pa-Li Ngữ

Về sau, đạo Phật của phái Thượng Tọa Bộ bảo thủ được truyền bá sang Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan và những xứ khác trong vùng Đông Nam Á. Bộ kinh này được gọi là "Pa-li Văn Đại Tạng Kinh" (vì viết bằng tiếng Pa-li) gồm ba phần kinh, luật và luận. Tạng kinh tiếng Pa-li này đã được các học giả Tây phương chú ý tới, khi họ bắt đầu nghiên cứu về Phật giáo, và đã có nhiều sách bình luận và sách dịch kinh điển Phật giáo sang Anh ngữ đã được xuất bản ở Anh Quốc. Bản dịch Đại Tạng Pa-li sang Nhật ngữ, nhan đề là "Nam Truyền Đại Tạng Kinh" (Nanden-daizokyo) đã dùng bản Anh dịch này để tham khảo và đã được xuất bản ở đầu Thời Đại Chiêu Hòa, năm 1930.

---o0o---

Kinh Điển Phật Giáo Đại Thừa

Phái Đại Chúng Bộ có tinh thần cấp tiến đã tự xưng là "Mahayana" ("Đại Thừa," "Cỗ Xe Lớn") và phát triển bộ giáo lý của họ. Phái này bác bỏ những hình thức Phật giáo khác và gọi phái kia là "Hinayana" ("Tiểu Thừa," "Cỗ Xe Nhỏ"), và thật ra nó giống như một phong trào quần chúng có mục đích thu hút quảng đại quần chúng ngả theo giáo lý của họ. Trong số kinh điển của phái Đại Thừa có những kinh sách thuộc Đại Tạng Pa-li ngữ, nhưng những sách nói về chủ trương thì phản ảnh sự phát triển và hệ thống hóa những lý thuyết của các tông phái Trung Quán (Madhyamika), Duy Thức (Yogacara) và Như Lai Tạng (Tathagatagarbha). Sau này xuất hiện tông phái Mật Giáo, và dần dần Phật Giáo đã biến khỏi mảnh đất Ấn Độ.

---o0o---

Phật Giáo Trung Hoa

Phật giáo đã du nhập vào Trung Hoa qua ngã Trung Á, và tới thế kỷ thứ nhì sau Tây lịch kinh điển Phật giáo đã được dịch sang Hán văn. Đặc điểm của Phật giáo Trung Hoa là vai trò quan trọng của việc phiên dịch kinh sách; nhiều vị tăng sĩ nổi tiếng kiêm dịch giả, như Cưu Ma La Thập (Kumarajiva), Chân Đế (Paramartha), Bất Không (Amoghavajra), Huyền Trang, v.v..., đã xuất hiện. Vì quý ngài tinh thông tất cả ba nghành kinh, luật và luận của Đại Tạng Kinh nên được tôn xưng là "Tam Tạng Pháp Sư."

Việc phiên dịch cần phải qua sự lý giải, cho nên, trong bản Hán dịch có những phần dẫn giải mà người ta không thấy trong Phật giáo Ấn Độ. Trong Đại Tạng Kinh bằng Hán văn, có những trường hợp có vài bản dịch của các dịch giả khác nhau, và ngày càng có nhiều tác phẩm viết bằng Hán văn. Để tránh trùng nhau, các triều đình Trung Hoa đã vài lần ban sắc lệnh biên soạn Đại Tạng Kinh. Vào những thời kỳ sơ khai, kinh điển được sao chép bằng tay, nhưng tới thời nhà Tống thì được in bằng cách khắc chữ vào gỗ.

---o0o---

Phật Giáo Nhật Bổn

Phật giáo được truyền vào Nhật Bổn qua ngã Trung Hoa và Cao Ly, do đó việc nghiên cứu những kinh điển chính gốc chỉ bắt đầu từ Thời Đại Minh Trị. Trước thời kỳ này, người Nhật đã dùng kinh điển Hán dịch làm cơ sở, điều đó khiến cho Phật giáo Nhật Bổn có những khác biệt đáng kể đối với Phật giáo Ấn Độ. Họ chủ yếu dùng Đại Tạng Kinh nhập cảng từ Trung Hoa, nhưng tới đầu Thời Đại Giang Hộ (Edo) có một tăng sĩ tên là Thiết Nhãn (Tetsugen) đã dùng những bản Hán dịch làm hướng dẫn để xuất bản Đại Tạng Kinh bằng Nhật văn theo lối chữ "Huỳnh Bá" (Obaku).

Kể từ Thời Đại Minh Trị, Nhật Bổn chịu nhiều ảnh hưởng của các học giả Tây phương, đồng thời họ cũng gia công nghiên cứu những kinh điển chính gốc. Những kinh sách nguyên bản bằng tiếng Pa-li văn và Phạn văn đã được dịch sang Nhật văn và phổ biến trong quảng đại quần chúng, và người Nhật đã dịch Đại Tạng Kinh Pa-li văn (Nam Truyền Đại Tạng Kinh) như đã nói ở phần trên. Trong thời gian gần đây người Nhật cũng chú ý nhiều tới Phật giáo Tây Tạng.

Phật giáo Tây Tạng – được truyền vào từ Ấn Độ ở thế kỷ thứ 7 – có mầu sắc Mật Tông rất sâu đậm, và có khi được gọi là Lạt-Ma giáo. Một số lớn kinh điển Phật giáo Ấn Độ đã được dịch sang tiếng Tây Tạng, về sau trở thành "Đại Tạng Kinh Tạng Văn." Cho tới nay người ta chưa tìm thấy ở Ấn Độ một bộ kinh điển Phật giáo nào đã được hệ thống hóa, cho nên Đại Tạng Kinh Tạng Văn – được dịch một cách trung thực từ bản gốc – là nguồn tư liệu rất quan trọng. Từ Thời Đại Minh Trị, thậm chí một số học giả Phật tử Nhật Bổn, như Hà Khẩu Huệ Hải (Kawaguchi Ekai), đã đến tận Tây Tạng để tầm cầu những kinh điển chính gốc.

---o0o---

Xuất Bản Đại Tạng Kinh Hán Dịch

Do ảnh hưởng những cuộc nghiên cứu kinh điển gốc, vài ấn bản mới của Đại Tạng Kinh Hán dịch đã được xuất bản ở Nhật Bổn vào cuối thế kỷ 19 và những năm đầu thế kỷ 20. sau đó tới việc xuất bản "Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh" (Taisho shinshu daizokyo) vào thời kỳ từ năm 1924 tới năm 1934. Đây là tạng kinh được tham khảo và so sánh kỹ lưỡng với tạng kinh Cao Ly và những kinh sách xuất bản trước đó, để mong đạt tới một tạng kinh chính xác và đáng tin cậy nhất. Chính tạng kinh này ngày nay được Phật giáo thế giới sử dụng nhiều nhất.

---o0o---

Dịch Đại Tạng Kinh Sang Anh Ngữ

Dùng Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh nói trên làm bản gốc, nay Hiệp Hội Truyền Đạo Phật Giáo quyết định dịch Đại Tạng Kinh Hán Văn sang Anh văn. Việc lý giải là phần không thể thiếu của công trình dịch thuật, và việc thực hiện một bản dịch hết sức trung thực với nguyên bản là công việc có nhiều khó khăn. Nhưng bổn phận của Phật tử là cần phải cung cấp cho mọi người khắp nơi trên thế giới những kinh sách Phật giáo dễ đọc. Trong dự án hiện thời, chúng tôi sẽ cố gắng hết sức để tránh những phán đoán do ảnh hưởng giáo phái và những thiên kiến khác, và, chúng tôi vững tin rằng bản dịch sang Anh văn, mà ngày nay vẫn còn nhiều phần chưa được khai phá, với mục đích hoằng dương Phật pháp khắp thế giới, là một công trình lớn lao và đầy ý nghĩa.

Ý nguyện của chúng tôi là tiếp tục những nỗ lực của mình để cống hiến cho thế nhân một bản Đại Tạng Kinh Phật Giáo – từng có một lịch sử dài như đã nói sơ lược trên đây – ở hình thức dễ hiểu.

-- o0o ---

PHẦN I - KINH ĐIỂN ẤN ĐỘ

1. Trường A Hàm Kinh

Dìghàgama

22 quyển

Do Phật Đà Da Xá (Buddhayásas)

và Trúc Phật Niệm (Chu-pho-nien) cùng dịch

Đây là một trong những kinh điển Phật giáo xưa nhất, và bao gồm một số lớn những giáo lý được coi là do chính Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết giảng. Vì nó chứa đựng những kinh điển tương đối dài hơn cho nên được gọi là "Trường A Hàm Kinh."

Trong Hán dịch còn có Trung A Hàm Kinh (tham chiếu số 2), Tăng Nhứt A Hàm Kinh, Tạp A Hàm Kinh 3 loại, toàn bộ gọi là "Tứ A Hàm." Ngoài ra, trong kinh điển tiếng Pa-li do các nước ở phương Nam thuộc hệ phái Nguyên Thủy lưu truyền, được chia thành 5 bộ: Trường Bộ, Trung Bộ, Tương Ưng Bộ, Tăng Chi Bộ, và Tiểu Bộ.

Hai mươi hai quyển của Trường A Hàm Kinh bao gồm 30 kinh (sutra), và căn cứ vào nội dung thì chúng có thể được chia thành 4 phần.

Phần thứ nhứt gồm 4 kinh (từ quyển 1 tới quyển 5), nói về những công đức của Phật, bắt đầu từ sự tích của 7 vị Phật trong quá khứ.

Phần thứ nhì gồm 15 bài kinh (từ quyển 6 tới quyển 12), nói về sự tu hành của Phật giáo và những vấn đề giáo lý.

Phần thứ ba gồm 10 bài kinh (từ quyển 13 tới quyển 17), đề ra và phê phán nhiều giáo lý khác nhau trong các phái triết học và tôn giáo thịnh hành đương thời không thuộc Phật giáo, và được gọi chung là "62 Kiến."

Phần thứ tư và cuối cùng khác biệt hoàn toàn với ba phần trên và chỉ bao gồm một bài kinh duy nhất (từ quyển 18 tới quyển 22), được gọi là "Thế Kỷ Kinh", mô tả chi tiết về những khởi nguyên và tình trạng của những thế giới khác nhau, trong đó có thế giới loài người mà nhân loại du nhập trong chu kỳ luân hồi sanh tử.

---o0o---

2. Trung A Hàm Kinh
Madhyamàgama

60 quyển
Do Cồ Đàm Tăng Già Đề Bà
(Gautama Sanghadeva) dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 26

Đây là một trong những kinh điển Phật giáo xưa nhất, tương đương với Trung Bộ Thánh Điển viết bằng Pa-li ngữ của Phật giáo Nam tông, trong bản Hán dịch bao gồm 222 bài kinh. Vì những bài kinh này có chiều dài trung bình, cho nên toàn bộ được gọi là "Trung A Hàm Kinh."

Tuy rằng hầu hết 152 kinh trong thánh điển Pa-li ngữ có chiều dài trung bình, nhưng, những kinh trong bản Hán dịch có chiều dài khác nhau, từ những kinh rất ngắn cho tới những kinh khá dài.

Nội dung trong các kinh rất khác nhau, chẳng hạn như nói về những lời và hành vi của Đức Phật Thích Ca và các đệ tử của ngài, về các giáo nghĩa căn bản của Phật giáo nguyên thủy như Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, v.v…, và nhiều ngụ ngôn khác nhau. Toàn bộ được phân chia thành 18 kinh, được gọi là "thập bát chương."

Trong Hán dịch, ngoài Trung A Hàm còn có Trường A Hàm (số 1), Tăng Nhứt A Hàm (Đại Chánh Tạng Kinh số 125), Tạp A Hàm (Đại Chánh Tạng Kinh số 99), được gọi chung là "Tứ A Hàm."

Nội dung của bản Hán dịch Tứ A Hàm và 5 bộ Pa-li ngữ đã không có sự đồng nhất mà giữa hai bản lại có nhiều sai biệt đáng kể.

---o0o---

3. Đại Thừa Bản Sanh Tâm Địa Quán Kinh

8 quyển
Do Bát Nhã (Prajna) dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 159

Kinh này cũng được gọi vắn tắt là "Tâm Địa Quán Kinh", chủ yếu bàn về cách tu trì Phật Pháp để đạt tới giác ngộ. Vì mục tiêu này, cần phải xuất thế, trở thành tu sĩ và tìm nơi thanh tịnh, và, trọng yếu nhất là dập tắt những ngọn lửa của tất cả dục vọng trong tâm, cái tâm này chính là nguồn gốc tối hậu của vạn sự vạn vật. Chữ "tâm địa" là một từ ngữ ẩn

dụ ví trái tim con người – nguồn gốc của tất cả những trạng thái thanh khiết hoặc nhơ bẩn – giống như mặt đất có thể sinh sản mọi thứ sinh vật.

Kinh này bao gồm 13 chương, chủ yếu mô tả cách tu tập và giới luật của tăng sĩ. Tuy nhiên, Chương 2, gọi là "Báo Ân Phẩm," nói về những bổn phận đối với cha mẹ, chúng sanh, quốc vương, tam bảo (Phật, Pháp, Tăng); vì thế, ở Nhật Bổn bộ kinh này thường được đại chúng đọc tụng.

---o0o---

4. Phật Sở Hành Tán

Buddhacarita

5 quyển

Do Đàm Vô Sám (T'an-wu-ch'an) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 192

Kinh sách này là tiểu sử của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni do Mã minh (Asvaghosa) – một thi sĩ Phật giáo vĩ đại của thế kỷ thứ nhất sau Tây lịch – soạn thảo.

Nguyên bản Phạn văn bắt đầu từ lúc Đức Phật đản sanh, và mô tả thời niên thiếu và những ưu tư tinh thần của ngài, và chấm dứt với sự tích ngài gián phục ác ma (mara); nhưng, trong bản Hán dịch có nói cả đến quảng đời sau đó của ngài, do đó, bản này là tiểu sử đầy đủ của Đức Phật. Tuy nhiên, phần bổ túc đó không phải là do các nhà soạn kinh sách ở Trung Hoa thêm vào mà chỉ là phần đã bị thất lạc từ bản Phạn văn nguyên thủy.

Bản tiểu sử này là một tác phẩm tiêu biểu của văn chương Phật giáo, nhưng nếu dùng nhãn quan văn đơn thuần mà nói thì bản Hán dịch – tuy được viết theo thể thơ – vẫn có sự thiếu sót.

---o0o---

5. Tạp Bảo Tạng Kinh

10 quyển
Do Cát Ca Dạ (Kimkarya)
Và Đàm Dướt (T'an-yao) cùng dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 203

Kinh này là một tuyển tập gồm 121 mẩu chuyện nói về thời kỳ bắt đầu từ thời của Đức Phật Thích Ca và các đệ tử của ngài, và chấm dứt với vương triều của Vua Ca Nị Sắc Ca (Kaniska).

Trong số các mẩu chuyện, trong quyển số 9 có kể chuyện Tỳ Kheo Na Ca Na (Nagasena) giáo hóa và đã khiến cho Vua (Milanda) qui y đạo Phật như thế nào. Nổi tiếng nhất là quyển số 7, trong đó kể lại tình thân hữu giữa Vua Ca Nị Sắc Ca (Kaniska) và Mã Minh Bồ Tát (Asvaghosa).

Ngoài những chuyện đó còn có một số lớn những mẫu chuyện khác căn cứ vào những sự kiện lịch sử, nhưng xét theo nội dung – chẳng hạn như sự xuất hiện của Ca Nị Sắc Ca Vương (Kanniska) thì rõ ràng là bản kinh này được biên soạn sau thế kỷ thứ 2 sau Tây lịch.

---o0o---

6. Pháp Cú Ví Dụ Kinh

4 quyển
Do Pháp Cự (Fa-chu) và Pháp Lập (Fa-li) cùng dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 211

Kinh này căn cứ vào bản Hán dịch của Kinh Pháp Cú (Dhammapada), từ đó khoảng hai phần ba những pháp kệ đã được tuyển chọn để chú giải. Trên đầu mỗi chương có trích dẫn một số câu kệ, theo sau là những câu chuyện kể lại những sự việc liên quan tới căn nguyên của mỗi câu kệ.

Bản tiếng Pa-li của Pháp Cú Kinh bao gồm tất cả 423 câu kệ, và, ngoài ra còn có một số lời chú giải nói về những câu chuyện và ngụ ngôn liên quan tới mỗi câu kệ. Trong bản Hán dịch, 250 câu kệ đã

được thêm vào 500 câu có sẵn, như vậy tổng cộng là 750 câu, trong số đó hai phần ba được nói tới trong bản "Pháp Cú Ví Dụ Kinh" này.

---o0o---

7. Tiểu Phẩm Bát Nhã Ba La Mật Kinh

Astạsàhasrikà-Prajnãpàramità-sùtra

10 quyển

Do Cưu Ma La Thập dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 227

Kinh này thuộc một nhóm tên là "Bát Nhã Ba La Mật Kinh" (Prajnaparamita-sutra), vì chỉ có 10 quyển nên được gọi là "Tiểu Phẩm Bát Nhã Kinh", còn 27 quyển khác cũng do ngài Cưu Ma La Thập dịch từ Bát Nhã Ba La Mật Kinh được gọi là "Đại Phẩm Bát Nhã Kinh."

Ở Nhật Bổn, vì chịu ảnh hưởng 600 quyển "Đại Bát Nhã Kinh" do Huyền Trang dịch và bộ "Đại Phẩm Bát Nhã Kinh" nói trên do Cưu Ma La Thập dịch, cho nên công việc nghiên cứu bản "Tiểu Phẩm Bát Nhã Ba La Mật Kinh" này đã bị thờ ơ.

Trên đại thể, bản kinh này chú trọng vào ý niệm "không" (sunyata), chủ đề chính của Bát Nhã Ba La Mật.

Nội dung của nó trùng hợp với một phần của Đại Bát Nhã Kinh, và thật sự là đã có một số những bản Hán dịch khác, như "Đạo Hạnh Bát Nhã Kinh," "Đại Minh Độ Kinh," "Ma Ha Bát Nhã Sao Kinh," "Phật Mẫu Xuất Sanh Tam Pháp Tạng Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh," v.v...

---o0o---

8. Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh

Vajracchedikà - prajnãpàramità-sùtra

1 quyển

Do Cưu Ma La Thập (Kumarajiva) dịch

Đại Chánh Tạng Kinh số 235

Ngoại trừ "Bát Nhã Tâm Kinh" (số 11) trong "Bát Nhã Kinh Điển", đây là bản kinh được đại chúng đọc tụng nhiều nhất, đặc biệt là Thiền Tông đã đánh giá bản kinh này rất cao.

Kinh này được gọi vắn tắt là "Kim Cang Kinh", nói chi tiết về khái niệm rằng tất cả hiện tượng và sự vật nào tồn hữu trong thế gian này cũng đều không có thực thể, do đó chúng không hề có cái "ngã."

Chữ "kim cang" trong nhan đề chẳng phải là dùng để chỉ kim cương hột xoàn hoặc loại vũ khí "kim cang trủy" mà là một ẩn dụ dùng để nói về thứ gì kiên cố, bền lâu, do đó, nó có nghĩa là "tối thượng" hoặc "tối thắng." Cũng nên nói thêm rằng "Bát Nhã" là chữ dùng để nói về trí huệ viên mãn của Phật Đà.

---o0o---

9. Đại Lạc Kim Cang Bất Không Chân Thật Tam Ma Dà Kinh

Adhyardhásatikà – prajnãpàramita – sùtra

1 quyển

Do Bất Không (Amoghavajra) dịch

Đại Chánh Tạng Kinh số 243

Nhan đề kinh này thường được gọi tắt là "Lý Thú Kinh" hoặc "Bát Nhã Lý Thú Kinh", và ở Nhật Bổn nó được phái Chân Ngôn (Shingon) rất coi trọng, và được đại chúng tụng đọc, vì nó nói về những giáo lý uyên thâm nhất của Mật Giáo.

Toàn thể bộ kinh được chia thành 17 chương, trong đó Đại Nhựt Như Lai (Mahavairocana) – pháp thân của Mật Giáo – thuyết giảng về cách thực hiện tinh túy Mật Giáo trong sinh hoạt hàng ngày, và cứu cánh tối hậu là đạt tới quả vị Phật trong cõi đời này.

---o0o---

10. Nhơn Vương Bát Nhã Ba Ma Mật Kinh

Kàruṇịkàràjà – prajnãpàramità – sùtra

2 quyển

Do Cưu Ma La Thập (Kamarajiva) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 245

Bản kinh này mô tả Đức Phật đã dạy cho các vị vua của 16 nước rằng yếu tố quan trọng nhất để duy trì an ninh và phúc lợi của một nước là thực hành Bát Nhã Ba La Mật, tức trí huệ của Phật.

Do nội dung của nó, kinh này được đặc biệt coi trọng ở Nhật Bổn như là "Kinh Điển Bảo Vệ Đất Nước." Từ năm 600 sau Tây lịch cho tới nay ở Nhật Bổn đã tổ chức những buổi lễ đặc biệt gọi là "Nhân Vương Hội" để đọc tụng kinh này. Nó cùng với "Pháp Hoa Kinh" (số 12) và "Kim Quang Minh Kinh" (số 33) hợp lại thành một nhóm gọi là "Hộ Quốc Tam Bộ Kinh."

Trong kinh dạy rằng: Đương lúc quốc gia hỗn loạn, khi xảy ra thiên tai, khi bị giặc ngoại xâm, nếu có thể đọc tụng bản kinh thì có thể tiêu trừ những tai họa, thu hoạch được nhiều ngũ cốc và nhân dân an lạc thịnh vượng. Vì nó nói về những vấn đề rất thực dụng, cho nên bản kinh thường được Hoàng Gia và các sứ Quân Nhật Bổn đem ra thực hành.

---o0o---

11. Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Prajnãpàramitatàhrdaya – sùtra

1 quyển

Do Huyền Trang (Hsuan-tsang) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 251

Kinh này được gọi vắn tắt là "Bát Nhã Tâm Kinh," là kinh điển rất phổ biến, kinh văn chỉ gồm có 262 chữ Hán, rất là đơn giản ngắn gọn; nhưng nội dung lại là rút gọn những cái to lớn và tinh túy của "Bát Nhã Kinh" và đề cập khái niệm về "không tánh" một cách đơn giản. Chữ "tâm" ở đây có nghĩa là "phần trọng yếu nhất" và nói về cái tinh túy của tư tưởng Bát Nhã Ba La Mật Đa.

Nhờ giá trị cao cả của bản dịch của ngài Huyền Trang cho nên từ xưa tới nay kinh điển này đã được người Nhật Bổn tụng đọc, và nó được đa số các trường phái Phật giáo Nhật Bổn coi là bản dịch chính thức, cho nên thường được tụng niệm trong những khóa lễ hỗn hợp.

Tuy rằng nội dung thâm sâu, nhưng nó bao gồm phần lớn văn tự và từ ngữ căn bản của giáo nghĩa Phật giáo, cho nên kinh điển này thích hợp dùng làm một bài học nhập môn cho Phật giáo.

---o0o---

12. Diệu Pháp Liên Hoa Kinh
Saddharmapundarika – sùtra

8 quyển

Do Cưu Ma La Thập (Kumarajiva) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 262

Tại Tây phương kinh điển này thường được gọi là "Liên Hoa Kinh" (Lotus Sutra), là một trong những bộ kinh trọng yếu nhất trong các kinh điển của Phật giáo Đại Thừa. Tại Nhật Bổn nó rất được coi trọng từ khi Thái tử Thánh Đức (Shotoku) viết phần chú giải gọi là "Pháp Hoa Nghĩa Sớ" (số 108), thuộc bộ "Tam Kinh Nghĩa Sớ" của ông.

Trong kinh này ghi chép rất nhiều thi kệ, các chuyện ngụ ngôn, và được coi là một tác phẩm văn học rất có giá trị, đồng thời nó đã giành được một địa vị bất hủ trong lịch sử Phật giáo do nội dung bao hàm triết lý cao siêu. Đặc biệt là ý niệm "Nhất Thừa" bàng bạc trong kinh này đã tạo ảnh hưởng lớn lao trong nền Phật giáo Nhật Bổn.

Toàn kinh chia thành 28 chương, trong số đó trọng yếu nhất là chương thứ 16 tên là "Thọ Mạng Của Như Lai" (Như Lai Thọ Lượng Phẩm) tán dương Đức Phật Thích Ca Mâu Ni như là hiện thân của đời sống vĩnh hằng và đã đạt tới đại ngộ trong quá khứ cực kỳ xa xưa. Trong số những câu chuyện ngụ ngôn nổi tiếng nhất là các chuyện "tam xa hỏa trạch" (ba cỗ xe và ngôi nhà cháy), "trưởng giả cùng tử" (trưởng giả và người con trai), "tam thảo nhị mộc" (ba loại dược thảo và hai loại cây), v.v...

Ngoài ra, chương 25 của kinh này, tên là "Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm," mô tả công đức của Quán Thế Âm Bồ Tát, phần này về sau trở thành một bộ kinh độc lập – gọi là "Quan Âm Kinh" – ở Trung Hoa và Nhật Bổn vẫn còn được đọc tụng cho tới ngày nay.

Trường phái Nichiren của Nhật Bổn và các hệ phái đã thêm hai

chữ "Nam Mô" vào nhan đề kinh này và trở thành "Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh."

---o0o---

13. Vô Lượng Nghĩa Kinh

1 quyển
Do Đàm Ma Già Gia Xá
(Dharmagatayasas) dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 276

Vô Lượng Nghĩa Kinh là một trong ba cuốn "Pháp Hoa Tam Bộ Kinh" và được soạn như là phần dẫn nhập vào "Diệu Pháp Liên Hoa Kinh" (số 12), và, nội dung của nó căn cứ vào tinh túy của kinh này.

Chữ "vô lượng nghĩa" trong nhan đề rút từ ý niệm rằng những phiền não của con người là vô lượng, cho nên những giáo lý để truyền thụ cũng phải là vô lượng, do đó những ý nghĩa của giáo lý cũng trở thành vô lượng.

---o0o---

14. Quán Phổ Hiền Bồ Tát

Hạnh Pháp Kinh
1 quyển
Do Đàm Vô Mật Đa (Dharmamitra) dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 277

Kinh này cũng là cuốn thứ ba và cuối cùng của "Pháp Hoa Tam Bộ Kinh" và nối tiếp vào chương sau cùng của "Diệu Pháp Liên Hoa Kinh" (số 12).

Nội dung mô tả ba tháng trước khi Đức Phật Thích Ca nhập diệt ngài đã triệu tập môn đồ tại Đại Lâm Tịnh Xá gần Tì Xá Li (Vaisali) để thuyết giảng về phương pháp tu hành của Phổ Hiền Bồ Tát và để sám hối những tội lỗi do lục căn gây ra.

---o0o---

15. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh

Avataṃasaka – sùtra

60 quyển
Do Phật Đà Bạt Đà La (Buddhabhadra) dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 278

Kinh này ghi lại bài thuyết đầu tiên của Đức Thích Ca Mâu Ni sau khi ngài chứng ngộ dưới cây bồ đề.

Trình bày rằng toàn thể vũ trụ bắt nguồn từ cảm lực của Phật Tì Lô Giá Na (Vairocana), kinh này khai triển thuyết duyên khởi. Trong kinh dạy rằng tất cả mọi vật có thể bao hàm trong một vật duy nhất, nó dẫn tới một thế giới quan đặt căn bản trên ý niệm về sự tương quan tương hợp của tất cả mọi sự vật.

Ngoài 60 quyển này còn có 80 quyển mới dịch, và một bản Hán dịch gồm 40 quyển trong đó chỉ chứa đựng một chương tên là “Nhập Pháp Giới Phẩm.”

Ở Nhật Bổn kinh này được phái Hoa Nghiêm Tông – Đông Đại Tự (Todai-gi) là ngôi chùa chính yếu của phái này – coi là kinh điển căn bản của họ. Có một điều đáng ghi nhận là câu chuyện của Thiện Tài Đồng Tử (Sddhana) thăm viếng và phỏng vấn 53 vị thiện trí thức – được kể trong việc thiết lập 53 đoạn đường dọc theo xa lộ Đông Hải từ Đông Kinh (Tokyo) tới Kinh Đô (Kyoto) ở Nhật Bổn.

---o0o---

16. Thắng Man Sư Tử Hống Nhất Thừa Đại Phương Tiện Phương Quảng Kinh

Srìmàlàdevìsiṃhanàda – sùtra

1 quyển
Do Cầu Na Bạt Đà La (Gunabhadra) dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 353

Kinh này thường được gọi tắt là “Thắng Man Kinh,” (Srìmàlà-Sùtra) và như nhan đề cho thấy, nó được thuyết giảng bởi Thắng Man Phu Nhân, con gái của Vua Ba Tư Nặc (Prasenajit) nước Xá Vệ (Sràvastì) ở Ấn Độ, do sự gợi ý của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Những chủ đề quan trọng nhất trong kinh này nói về thuyết "Nhất Thừa" và pháp thân (dharmakaya) của Phật. Sự kiện vai chánh là một phụ nữ khiến cho kinh này khác hẳn với những kinh điển khác. Trong kinh này, Đức Phật Thích Ca bảo đảm rằng phái nữ có thể thành Phật, vì vậy nó đã được dùng để hỗ trợ quan điểm cho rằng phụ nữ cũng có thể trở thành Phật.

Ở Nhật Bổn kinh này được coi là quan trọng từ khi Thái Tử Thánh Đức thuyết giảng cho Nữ Hoàng Thôi Cổ (Suiko), vị nữ Thiên Hoàng đầu tiên trong lịch sử Nhật Bổn, và sau đó ông đã viết phần chú giải với nhan đề "Thắng Man Nghĩa Sớ," điều này cho thấy tính cách trọng yếu của nó tại Nhật Bổn.

---o0o---

17. Vô Lượng Thọ Kinh

Sukhàvatìvyùha

2 quyển

Do Khương Tăng Khải (Samghavarman) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 360

Đây là một trong ba kinh điển căn bản của phái Tịnh Độ Tông, còn có tên là "Đại Vô Lượng Thọ Kinh," "Đại Kinh" hoặc "Song Quyển Kinh."

Kinh này thuật chuyện một vị tỳ kheo tên là Pháp Tạng (Dharmakara), khi tu hành dưới sự hướng dẫn của đức Phật Thế Tự Tại Vương (Tathagata Lokesvararaja), đã khởi phát 48 điều thệ nguyện để cứu vớt tất cả chúng sanh đau khổ; để đạt tới những điều nguyện này ngài đã tạo lập một vùng "tịnh thổ cực lạc Tây phương" và ngài đã trở thành Phật A Di Đà (Amitàyus). Trong kinh dạy rằng nếu bất cứ ai tin vào 48 điều nguyện này và trì niệm tên của đức Phật A Di Đà thì người ấy sẽ được vãng sanh nơi thế giới cực lạc và từ nơi đó sẽ có thể thành Phật.

Kinh này là bản dài nhất trong số ba kinh điển của phái Tịnh Độ và thường được phái này trích ra để đọc tụng. Trong đó có bài "Tán Phật Kệ," một bài thơ mà Tỳ Kheo Pháp Tạng tán dương vị thầy của

mình là Thế Tự Tại Vương Phật, và bài "Trọng Thệ Kệ" gồm những thi cú tóm tắt "48 điều nguyện" để tập trung thành 3 điều nguyện.

---o0o---

18. Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh

Amitàyurdhyàna-sùtra

1 quyển

Do Cương Lương Dà Xá dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 365

Quán Vô Lượng Thọ Kinh thường được gọi vắn tắt là "Quán Kinh," là một trong ba bộ kinh căn bản của phái Tịnh Độ Tông, trong đó thuật lại một trong những mẫu chuyện nổi tiếng nhất của Phật giáo, nói về Vua A Xà Thế (Ajatrasatru) và thân mẫu ông là Hoàng Hậu Vi Đề Hi (Vaidehi).

Một ngày kia bà Vi Đề Hi – người thường bị dày vò đau khổ vì những hành vi độc ác của con bà – phát nguyện cầu cứu Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Đức Phật đã đến để giúp cho bà nhìn thấy mười phương vô số cảnh giới tịnh độ lạc. Bà đã chọn Tây Phương Cực Lạc Tịnh độ của Phật A Di Đà, nhưng cần tu "Thập Lục Quán" do đó kinh này nói về 16 phương pháp quan sát quán tưởng.

Tên kinh "Vô Lượng Thọ Phật" là do dịch nghĩa từ chữ Hán A Di Đà Phật và cũng còn được dịch là "Vô Lượng Quang Phật" (Amitàbha), vị Phật của hào quang vô lượng.

---o0o---

19. A Di Đà Kinh

Sukhàvatìvyùha

1 quyển

Do Cưu Ma La Thập (Kumarajiva) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 366

Kinh này là bản ngắn nhất trong số ba bộ kinh căn bản của phái Tịnh Độ Tông, vì vậy còn được gọi là "Tiểu Vô Lượng Thọ Kinh"; cho tới ngày nay nó vẫn thường được tụng đọc trong các buổi lễ.

Kinh này bắt đầu bằng sự mô tả những cảnh huy hoàng của thế giới cực lạc Tây phương của đức Phật A Di Đà, và kế đó giải thích người ta cần phải tu trì như thế nào để có thể vãng sanh nơi Tây phương tịnh độ. Chư Phật từ sáu phương (đông, tây, nam, bắc, thượng, hạ) tán dương công đức của Phật A Di Đà. Ở phần kết luận, kinh này khuyên người ta hãy nên phát nguyện ước mong được vãng sanh nơi cảnh giới cực lạc tịnh độ và hãy thọ trì danh hiệu của đức Phật A Di Đà.

---o0o---

20. Đại Bát Niết Bàn Kinh

Mahàparinirvàṇạ – sùtra

40 quyển

Do Đàm Vô Sám (Dharmaksema) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 374

Kinh này được đặt tên là "Đại Bát Niết Bàn Kinh" vì ghi lại những lời thuyết pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni một thời gian ngắn khi ngài nhập Niết Bàn.

Nguyên nghĩa chữ "Niết Bàn" là "tiêu diệt ngọn lửa dục vọng và đạt tới trạng thái giác ngộ." Nếu xét theo nghĩa này thì khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đạt tới giác ngộ ở tuổi 35 thì lúc đó ngài đã nhập Niết Bàn. Nhưng vì không thể hoàn toàn diệt trừ những phiền não, dục vọng trong khi nhục thân vẫn còn tồn tại, cho nên sự nhập diệt của Đức Phật Thích Ca được gọi là Đại Bát Niết Bàn – mahaparinirvana – có nghĩa là "trạng thái đại an tịnh trong đó các ngọn lửa của dục vọng, phiền não đã hoàn toàn dập tắt" và về sau này nhóm chữ "nhập Niết Bàn" được người ta dùng như là "chết đi."

Kinh điển này quan trọng là vì cả hai nguyên do: nó ghi lại những lời thuyết giảng của Đức Phật Thích Ca ở thời gian ngay trước khi ngài nhập diệt, và cũng vì nó bao gồm những sự tích liên quan tới những chuyện xảy ra trước và sau khi ngài nhập diệt, cho nên nó chứa đựng những tư liệu quan trọng về phương diện lịch sử.

---o0o---

21. Phật Thùy Bát Niết Bàn

Lược Thuyết Giáo Giới Kinh

1 quyển

Do Cưu Ma La Thập (Kumarajiva) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 389

Kinh này thường được gọi là "Di Giáo Kinh," vì nó chứa đựng những lời thuyết giảng cuối cùng của Đức Phật Thích Ca cho các môn đồ đệ tử quy tụ xung quanh tử sàng của ngài giữa hai cây đại thụ (Tala Song thọ), trước khi ngài nhập diệt. Trong bài thuyết giảng cuối cùng này Đức Phật khuyên các đệ tử hãy cố gắng đạt tới giác ngộ bằng cách thực hành "tam học," tức là giới luật, thiền định và trí huệ, và sau khi đã thuyết giảng thêm những khái niệm căn bản khác của Phật giáo ngài chấm dứt với lời dạy rằng đó là di giáo sau cùng, dặn dò tối hậu của ngài.

Tại Nhật Bổn kinh này rất phổ cập vì các Phật tử thấy rằng nó ghi lại những lời thuyết giảng cuối cùng của Đức Phật, và nó đặt biệt được các phái Thiền tông coi trọng.

---o0o---

22. Đại Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh

Ksịtigarbhapranịdhàna – sùtra

2 quyển

Do Thật Xoa Nan Đà (Siksananda) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 412

Thời kỳ sau khi Đức Phật Thích Ca nhập diệt được gọi là "thời đại Vô Phật" trong đó không có vị Phật nào hiện hữu trước khi có sự xuất hiện của đức Di Lặc Bồ Tát – vị Phật kế tiếp sau Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Nhưng, trong "thời đại Vô Phật" có ngài Địa Tạng Bồ Tát xuất hiện để cứu độ chúng sanh và kinh điển này mô tả lời thệ nguyện mà trong tiền kiếp vị Bồ Tát này đã tâm nguyện sẽ trở lại trần thế để cứu độ chúng sanh. Đồng thời bản kinh cũng nhấn mạnh về những công đức, những năng lực kỳ diệu không thể nghĩ bàn của nó, nói rằng khi đọc tụng hoặc nghe một câu hay một kệ của kinh này thì có thể tiêu trừ được bất cứ tội lỗi nào.

---o0o---

23. Bát Châu Tam Muội Kinh
Pratyutpannabuddhasammukhà – vasthitasamàdhi – sùtra

3 quyển

Do Chi Lô Ca Sám (lokaksema) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 418

Bát Châu Tam Muội là trạng thái tâm linh mà con người có thể dùng quán tưởng để nhìn thấy các vị Phật ngay trước mắt, (chư Phật hiện tiền tam muội) hoặc "Phật lập tam muội" và kinh này mô tả những phương pháp thiền quán để đạt tới khả năng này. Đức Phật A Di Đà ở Tây phương cực lạc là một thí dụ về một vị Phật có thể hiện ra trước mắt người ta theo cách này.

Kinh này là một trong những kinh điển cổ xưa nhất của phái Đại Thừa, và là kinh điển đầu tiên có phần đề cập tới Đức Phật A Di Đà. Vì vậy, có thể coi nó là kinh điển tiền phong của các kinh điển thuộc Tịnh Độ Tông. Ở Nhật Bổn phương pháp thiền mô tả trong kinh này đã trở thành căn bản của một phương pháp thiền quán vừa đi vừa tham thiền gọi là "thường tam muội."

---o0o---

24. Dược Sư Lưu Li Quang Như Lai Bản Nguyện Công Đức Kinh
Bhaisạyaguruvaidùyaprabhàsap Ùrvapranidhànavisésạvistara

1 quyển

Do Huyền Trang dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 450

Kinh này nhấn mạnh về những côngt đức của đức Dược Sư Như Lai (Bhaisajya-guru), chủ yếu là khuyên chúng sanh hãy tin tưởng vị Phật này và tín ngưỡng đó sẽ giúp họ vãng sanh nơi Đông Phương Lưu Li Thế Giới; nhưng đồng thời nó cũng không từ chối cho họ được vãng sanh nơi Tây Phương Cực Lạc của đức Phật A Di Đà và những cảnh giới khác. Vì vậy, có thể nói rằng kinh điển này kết hợp những ý tưởng về đời sống trần thế và sự tái sanh trong các Thiền cảnh.

Trước khi ngài thành đạo, đức Dược sư Như Lai đã phát thệ 12

nguyện rằng ngài sẽ tiêu trừ cho chúng sanh tất cả thứ bệnh hoạn và tật nguyền, rồi hướng dẫn họ đi tới giác ngộ. Vì vậy ở Nhật Bổn đức Dược sư Như Lai được nhiều người sùng bái từ khi Phật giáo du nhập vào Nhật, và họ lấy kinh điển này làm căn bản.

---o0o---

25. Di Lặc Hạ Sanh Thành Phật Kinh

Maitreyavyàkarana
1 quyển
Do Cưu Ma La Thập (Kumarajiva) dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 454

Kinh này ghi rằng sau khi đức Phật Thích Ca nhập diệt thì thế giới bước vào một thời kỳ mạt pháp hay "Thời Đại Vô Phật," sau đó Phật Di Lặc sẽ xuất hiện trên thế giới này để trở thành vị Phật kế tiếp; hiện thời Phật Di Lặc đang thuyết pháp trên cõi Trời Đâu Xuất.

Nội dung mô tả chi tiết Phật Di Lặc sẽ xuất hiện trên thế giới này như thế nào và sẽ trở thành một vị Phật dưới cây "Long Hoa." Đây là một trong nhóm kinh điển gồm 6 cuốn gọi là "Di Lặc Lục Bộ Kinh."

---o0o---

26. Văn Thù Sư Lợi Vấn Kinh

Mãnjusrìpariprcchà
2 quyển
Do Tăng Già Bà La (Sanghabhara) dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 468

Kinh này được gọi là "Văn Thù Vấn Kinh," chủ yếu ghi lại những giới luật mà một vị bồ tát cần phải thực hành, và dùng hình thức vấn đáp gồm những câu trả lời của Đức Phật Thích Ca cho những câu hỏi của ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.

Phần lớn nội dung của kinh dạy những giới luật mà một vị Bồ Tát cần phải tuân thủ, giữ gìn, bắt đầu là thập giới. Phần còn lại giải thích ý nghĩa hiểu theo Phật giáo của 50 chữ cái của Phạn văn, và mô tả Phật giáo Tiểu Thừa (Hìnayàna) đã phân chia thành 20 bộ phái như thế nào.

Căn cứ vào nội dung để suy đoán thì kinh điển này được viết sau các kinh điển khác như “Lăng Già Kinh” (Lankàvatàrasutra) (số 34), “Niết Bàn Kinh” (Mahàparinoirvànạ-sutra) (số 20) và “Trung Luận” (Madhyamaka-kàrikà) (số 52).

---o0o---

27. Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh

Vimalakìrtinirdésa-sùtra

3 quyển

Do Cưu Ma La Thập (Kumarajiva) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 475

Như nhan đề cho thấy, nhân vật chính của kinh này là ngài Duy Ma Cật (Vilamakirti), một cư sĩ tại gia tinh thông về những ý nghĩa sâu xa của Phật giáo Đại Thừa.

Trong kinh chép rằng một hôm Đức Phật được tin cư sĩ Duy Ma Cật lâm bịnh, ngài liền phái đệ tử đến an ủi và hỏi thăm bịnh tình. Nhưng mỗi đệ tử trong quá khứ đã bị cư sĩ này lấn lướt trong những cuộc luận đàm, cho nên họ đều từ chối tới viếng thăm ông; sau cùng chỉ có Văn Thù Bồ Tát bằng lòng đi. Nhờ nhân duyên này, hai ngài Duy Ma Cật và Văn Thù có dịp dùng phương pháp vấn đáp để thảo luận và triển khai những ý nghĩa thâm sâu của Phật giáo Đại Thừa.

Ở Nhật Bổn kinh này được coi là một trong những kinh điển trọng yếu, lý do chính là vì nó từng được Thái Tử Thánh Đức viết lời chú giải (số 107) trong “Tam Kinh Nghĩa Sớ.” Ngoài ra, nó hấp dẫn cũng vì nội dung giầu tính cách hí kịch, và là một chìa khóa quan trọng để hiểu những tư tưởng thâm sâu của Phật giáo Đại Thừa.

---o0o---

28. Nguyệt Thượng Nữ Kinh

Candrottaràdàrikàpariprcchà

2 quyển
Do Xà Na Quật Đa (Jnanaguptaa) dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 480

Nguyệt Thượng (Candrottara) là con gái của một người trưởng giả tên là Duy Ma Cật (Vilamakirti), nàng được Đức Phật quả quyết rằng trong một kiếp tương lai sẽ trở thành một vị Phật.

Sau khi Nguyệt Thượng tu trì, thực hành và hoàn thành một số pháp mầu nhiệm không thể nghĩ bàn, đã biến thành nam giới và phát nguyện trở thành một tỳ kheo khất thực và là một môn đồ của Đức Phật Thích Ca.

Nhân vật Duy Ma Cật nói trong kinh này chỉ là một trưởng giả tầm thường, khác với vị trưởng giả cùng tên Duy Ma Cật đại biểu cho tư tưởng Đại Thừa, trong "Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh" (số 27), vì vậy có thể suy luận rằng "Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh" (Vamalakirtinirdésa-sùtra) đã được viết sau khi rút tỉa từ Nguyệt Thượng Nữ Kinh.

Ở Nhật Bổn kinh này đã cung cấp tình tiết cho chuyện thần thoại nổi tiếng tên là "Trúc Thủ Vật Ngữ" (Truyện Người Đốn Tre).

---o0o---

29. Tọa Thiền Tam Muội Kinh

2 quyển
Do Cưu Ma La Thập (Kumarajiva) dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 614

Kinh này được gọi tắt là "Thiền Kinh", tóm lược những phương pháp tu trì của một số thiền giả Ấn Độ.

Trước khi kinh này được truyền vào Trung Quốc thì ở đó đã có người thực hành Thiền, nhưng căn cứ vào những phương pháp của phái Tiểu Thừa (Hinayàna). Kinh này mô tả cả những phương pháp của Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa, và do đó vạch rõ sự liên hệ giữa hai phái. Nó cũng đã dẫn đến việc khai triển một môn thiền gọi là "chỉ quán" của phái Thiên Thai Tông và khai sinh ra các trường phái Thiền ở Trung Quốc.

Vì vậy người ta có thể nói rằng kinh điển này đã tạo ảnh hưởng quan trọng đối với Thiền Tông về sau.

---o0o---

30. Đạt Ma Đa La Thiền Kinh

Yogàcàrabhùmi – sùtra

2 quyển

Do Phật Đà Bạt Đà La (Buddhabhadra) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 618

Đây là kinh điển do Đạt Ma Đa La (Dharmatrata) và Phật Đại Tiên (Buddhasena) viết, và nhan đề đã lấy từ tên của người thứ nhất; họ là hai vị cao tăng đã phổ biến phương pháp Thiền định ở Trung Á vào đầu thế kỷ thứ 5 sau Tây lịch. Nhưng thật ra nội dung của kinh này tập trung vào những lời thuyết giảng của Phật Đại Tiên về những phương pháp Thiền của phái Tiểu Thừa, và các nhà nghiên cứu cho rằng phần thuyết giảng của Đạt Ma Đa La căn cứ vào phái Đại Thừa đã bị thất lạc không thấy nói trong kinh này.

Tuy nhiên, những hướng dẫn dành cho người tu tập được mô tả một cách rất cụ thể, cho nên kinh điển này là một cuốn sách chỉ dẫn phổ thông và thực tiễn. Ngoài ra, cũng vì có người nhầm lẫn giữa tên tác giả Đạt Ma Đa La ở nhan đề sách với Bồ Đề Đạt Ma (Bohhidharma) , người sáng lập môn phái Thiền ở Trung Quốc, cho nên kinh này đã được các tông phái Thiền coi trọng.

---o0o---

31. Nguyệt Đăng Tam Muội Kinh

Samàdhiràjacandrapradìpa-sùtra

10 quyển

Do Na Liên Đề Da Xá (Narendrayasas) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 639

Kinh này là lời đối thoại giữa một người trẻ tuổi tên là Nguyệt Quang (Candragupta) và Đức Phật Thích Ca, trong đó Đức Phật mô tả một phương pháp tu hành bằng cách quán chiếu tất cả mọi vật đều bình đẳng. Chủ đề chính trong kinh nói rằng bằng cách quán sát để thấy rõ

mọi vật tồn hữu đều vô thực thể – tương tự như giấc chiêm bao hoặc như ảo tưởng – thì người ta có thể đạt tới cảnh giới giác ngộ, tức là công đức tối thượng. Trong kinh này mô tả tỉ mỉ những phương pháp tu tập để người ta có thể đạt tới trạng này.

---o0o---

32. Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội Kinh

Sùrangamasamàdhi-sùtra

2 quyển

Do Cưu Ma La Thập (Kumarajiva) dịch

Đại Chánh Đại Tạnh Kinh số 642

Kinh này gọi tắt là "Thủ Lăng Nghiêm Kinh," (Sùrangama-sùtra) giảng giải những điều cốt yếu của thiền pháp.

Để trả lời câu hỏi của Bồ Tát Kiên Ý (Drdhamati) hỏi về tam muội (samdhi) thượng đẳng siêu việt để đạt tới giác ngộ của những phương pháp tu tập khác nhau, Đức Phật trả lời rằng "thủ lăng nghiêm tam muội" (surangama-samdhi) là phương pháp tiến bộ nhất trong số tất cả những phương pháp tu tập, nó gồm thâu tất cả những phương pháp tu tập khác, kế đó ngài mô tả chi tiết về phương pháp đó và làm thế nào để tu trì loại tam muội này.

Xét về phương diện lịch sử, tư tưởng trình bày trong kinh này mở đường cho những kinh điển khác như "Hoa Nghiêm Kinh" (Avatạmsaka-sùtra) (số 15) "Duy Ma Kinh" (Vimalakìrtinirdésa-sùtra) (số 27) và "Pháp Hoa Kinh" (Suddharmapụndạrika-sùtra) (số 12), và được xem là được biên soạn vào khoảng những năm đầu Tây lịch.

---o0o---

33. Kim Quang Minh Tối Thắng Vương Kinh

Suvarnạprabhàsa-sùtra

10 quyển

Do Nghĩa Tịnh (I-ching) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 665

Kim Quang Minh Kinh còn được gọi là "Tối Thắng Vương Kinh," chủ yếu nói rằng việc đọc tụng kinh này sẽ giúp cho một nước được phù trợ bởi các thần linh như các vị Tứ Thiên Vương. Do đó kinh này thời trước ở Nhật Bổn rất được coi trọng, và là một trong "Hộ Quốc Tam Bộ Kinh" (Ba Bộ Kinh Bảo Vệ Đất Nước), cùng với hai bộ khác là Pháp Hoa Kinh (số 12) và Nhơn Vương Kinh (số 10).

Ở Nhật Bổn việc thiết lập ngôi chùa Tứ Thiên Vương Tự (Shitenno-ji) và các ngôi chùa địa phương trên khắp nước gọi là "quốc phân tự," và việc cử hành các lễ hội gọi là "tối thắng hội," đều bắt nguồn từ kinh này. Do đó, có thể nói rằng kinh điển này đã tạo ảnh hưởng rất đáng kể đối với Phật giáo Nhật Bổn ở thời kỳ sơ khai.

---o0o---

34. Nhập Lăng Già Kinh

Lankàvatàra-sùtra

10 quyển

Do Bồ Đề Lưu Chi (Bodhiruci) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 671

Đây là một kinh điển tiêu biểu cho Phật giáo Đại Thừa Ấn Độ ở thời kỳ về sau này, bao gồm tư tưởng triết học chú trọng vào "Như Lai Tạng" (tatagatha-garbha), xác định rằng ngay cả tâm trí của một người phàm phu thấp hèn nhất cũng chứa đựng hạt giống của giác ngộ, với lý thuyết "bát chủng thức" (8 thứ tâm thức) đã phân chia các chức năng của trí tuệ thành 8 phương diện và với "a lại da thức" (alaya-vijnana) là tâm thức thứ 8 và căn bản. Vì vậy giáo nghĩa của nó có tầm quan trọng đáng kể.

Tuy nhiên, vì nó giống như một tuyển tập gồm một số những tư tưởng khác nhau của các trường phái Phật giáo thời đó cho nên giáo nghĩa của nó có vẻ có tính cách tổng hợp. Nhưng, người ta có thể nhận ra một giòng tư tưởng nhấn mạnh vào ý nghĩa của chữ "vô phân biệt." Kinh này cũng quan trọng ở điểm nó mở đường cho tư tưởng được trình bày trong "Đại Thừa Khởi Tín Luận" (số 68), và nó cũng đã tạo ảnh hưởng rất lớn đối với tư tưởng của các phái Thiền.

---o0o---

35. Giải Thân Mật Kinh

Sạmdhinirmaocana-sùtra

5 quyển

Do Huyền Trang dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 676

Đây là kinh điển căn bản của Pháp Tướng Tông, nội dung nói về tư tưởng của trường phái Duy Thức (Yogacara hay Vijnanavada), cho rằng tất cả mọi biểu hiện của tâm thức nhân loại. Kinh này thuộc vào thời kỳ giữa của Phật Giáo Đại Thừa Ấn Độ và được soạn thảo vào đầu thế kỷ thứ tư sau Tây lịch. Nó chia thành 8 chương, và nói chi tiết về tư tưởng của Duy Thức Học.

Nếu xét sự kiện phần lớn của kinh này đã được trích dẫn trong "Du Già Sư Địa Luận" (Yogacarabhumi) (số 53), và nhiều câu của nó đã được trích dẫn trong các kinh điển khác như "Nhiếp Đại Thừa Luận" (số 57) và "Thành Duy Thức Luận," kinh này đã tạo ảnh hưởng đáng kể đối với Phật giáo ở những đời sau.

---o0o---

36. Vu Lan Bồn Kinh

Ullambana-sùtra

1 quyển

Do Trúc Pháp Hộ (Dharmaraksa) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 685

Pháp hội "Vu Lan Bồn" được cử hành ở Nhật Bổn, để tưởng niệm tiền nhân đã chết, là căn cứ vào nội dung của kinh này. Nó kể về tôn giả Mục Kiền Liên (Maudgal-yayana), một trong các môn đồ của Đức Phật Thích Ca, đã hỏi đức thế tôn làm cách nào để cứu độ thân mẫu ngài, một người đã gây ra nhiều nghiệp chướng và đã rơi vào cõi ngạ quỷ (preta). Đức Phật bảo Tôn giả Mục Liên hãy cúng dường thức ăn thức uống vào ngày rằm tháng 7 (tức là ngày cuối cùng của thời kỳ tu tập ba tháng trong mùa mưa), nhờ làm như vậy thân mẫu ngài đã được cứu độ.

Chữ "Vu Lan Bồn" trong nhan đề của kinh này là từ chữ Phạn

"ullambana" có nghĩa là "treo ngược đầu xuống đất" ngụ ý về sự đau khổ phải trải qua trong cõi của ngạ quỉ.

Khi xét rằng pháp hội Vu Lan Bồn ngày nay vẫn còn được cử hành ở Nhật Bổn, người ta thấy kinh điển này đã tạo ảnh hưởng đáng kể như thế nào.

---o0o---

37. Tứ Thập Nhị Chương Kinh

1 quyển
Do Ca Diếp Ma Đằng (Kasyapamatanga)
Và Trúc Pháp Lan (Chu-fa-lan) dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 784

Tứ Thập Nhị Chương Kinh được coi là kinh điển truyền vào Trung Quốc sớm nhất, nhưng một số học giả cho rằng nó là một tác phẩm đã được soạn ra ở Trung Quốc.

Như nhan đề cho thấy, kinh này gồm 42 chương giải thích những giáo nghĩa trọng yếu của Phật giáo, vì vậy được dùng như kinh điển nhập môn của Phật giáo, nói về những ý niệm căn bản như khổ đau, vô thường, vô ngã, và những đề mục liên quan tới việc thực hành Phật giáo, như từ bi, bố thí, v.v...

Vì kinh này được viết bằng ngôn ngữ rất đơn giản cho nên nó rất phổ biến ở Trung Quốc, và có tới 10 phiên bản khác nhau.

---o0o---

38. Đại Phương Quảng Viên Giác Tu Đa La ***Liễu Nghĩa Kinh***

1 quyển
Do Phật Đà Đa La (Buddhatrata) dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 842

Kinh này được gọi tắt là "Viên Giác Kinh" (Kinh Giác Ngộ Hoàn Toàn), viết theo hình thức đối thoại giữa Đức Phật và 12 vị Bồ Tát, mỗi vị đặt ra một câu hỏi, khởi đầu với Văn Thù Bồ Tát. Chủ đề chính là ý niệm về "viên đốn" (giác ngộ tức thì) trong Phật Giáo Đại Thừa Trung Quốc.

Mặc dù có người coi nó là một tác phẩm ngụy tạo, soạn ra ở Trung Quốc, nhưng kinh này vẫn được các tông phái Thiền coi trọng. Tuy nhiên, Đạo Nguyên (Dogen), người sáng lập phái Tào Động (Soto) ở Nhật Bổn, đã bác bỏ kinh này vì lý do rằng nó khác với nội dung của các kinh điển Đại Thừa khác.

---o0o---

39. Đại Tì Lo Giá Na Thành Phật Thần Biến Gia Trì Kinh

Mahàvairocanàbhisambodhivikur Vitàdhisthànavaipulyasùtrendra Ràja-nàma-dharmaparyàya

7 quyển
Do Thiện Vô Úy (Subhakarasimha)
và Nhứt Hạnh (I-hsing) cùng dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 848

Kinh này là một trong những kinh điển căn bản của Mật giáo, thường được gọi là "Đại Nhựt Kinh" (Mahavairocana-sutra) và được coi là soạn ở miền tây Ấn Độ khoảng giữa thế kỷ thứ 7 sau Tây lịch.

Toàn kinh chia làm 36 chương, nội dung bao gồm các giáo lý Mật giáo và cách thực hành, mô tả những nghi thức cụ thể.

Trong kinh có vẽ đồ án gọi là "Thai Tạng Giới Mạn Đồ La" – được gọi tên như vậy vì hình vẽ là tượng trưng cho tinh thần đại từ bi của Phật Đà, giống như tình thương bao bọc một thai nhi trong bụng người mẹ.

---o0o---

40. Kim Cang Đảnh Nhất Thiết Như Lai Chân Thật Nhiếp Đại Thừa Hiện Chứng Đại Giáo Vương Kinh

Sarvatathàgatatattvasamgrahama Hàyànàbhisamayamahàkalparàya

3 quyển

Do Bất Không (Amoghavajra) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 865

Ở Trung Quốc và Nhật Bổn kinh này và "Đại Nhật Kinh" (số 39) được coi là kinh điển căn bản của Mật giáo và thường được gọi tắt là "Kim Cang Đảnh Kinh."

Chữ "kim cang đảnh" được dùng với ngụ ý đề cao, như thể nó là tột đỉnh trong số các kinh điển, giống như kim cương trong số các loại đá quí. Những nghi thức đặc thù của Mật giáo cần thực hành để đạt tới giác ngộ được mô tả chi tiết, và hình vẽ "Kim Cang Giới Mạn Đồ La" được căn cứ vào kinh này.

---o0o---

41. Tô Tất Địa Yế La Kinh

Susiddhikaramahàtantrasàdhano pàyika-patạla

3 quyển

Do Thâu Ba Ca La (Subhakarasimha) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 893

Kinh này được gọi tắt là "Tô Địa Kinh" (Susiddhikara-sùtra), mô tả các nghi thức khác nhau trong Mật giáo. Ở Nhật Bổn nó được bao gồm trong các nhóm kinh điển gọi là "Tam Bộ Bí Kinh" và "Ngũ Bộ Bí Kinh," và được coi là một trong những kinh điển trọng yếu nhất của Mật giáo.

Chữ Phạn "susiddhikara" trong nhan đề – được phiên âm sang chữ Hán là "Tô Tất Địa Yết La" – có nghĩa là "sự hoàn thành viên mãn của tất cả công đức" được dịch nghĩa sang chữ Hán là "Diệu Thành Tự Tác Nghiệp," nói về sự công hiệu của những nghi thức mô tả trong kinh này.

---o0o---

42. Ma Đăng Già Kinh

Màtangì-sutrà?

2 quyển

Do Trúc Luật Viêm (Chu-lu-yen)
và Chi Khiêm (Chih-ch'ien) dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1300

Kinh này đặt trọng tâm vào câu chuyện về một phụ nữ tên là Ma Đăng Già (Matangi) thuộc giai cấp thấp nhất trong xã hội Ấn Độ và đã được Đức Phật Thích Ca thu nhận để quy y theo Phật. Trong kinh, Đức Phật giảng giải từng chi tiết rằng 4 giai cấp trong xã hội đều bình đẳng.

Khi xét rằng hệ thống phân chia giai cấp đã tồn tại trong suốt lịch sử của Ấn Độ, người ta thấy kinh điển này có ý nghĩa rất đáng kể – với sự xác định rằng tất cả các giai cấp đều bình đẳng đối với Phật giáo.

---o0o---

43. Ma Ha Tăng Chỉ Luật

Mahàsàmghika-vinaya?

40 quyển

Do Phật Đà Bạt Đà La (Buddhabhadra)
và Pháp Hiển (Fa-hsien) dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1425

Khoảng 100 năm sau khi Đức Phật Thích Ca nhập diệt, cộng đồng Phật giáo đã phân chia thành hai tông phái, vì có sự bất đồng về cách giải thích các nội dung của giới luật. Phái bảo thủ trong cuộc phân hóa này được gọi là Thượng Tọa Bộ (Theravada) và phái cấp tiến được gọi là Đại Chúng Bộ (Mahasam-ghika).

Tên thứ nhì trên đây đã được dùng trong nhan đề Phạn văn của kinh điển này và đã được phiên âm sang Hán văn. Nhan đề của kinh này cũng thường được gọi tắt là "Tăng Chi Luật," nó bao gồm những giới luật tu hành đã được lưu truyền trong phái Đại Chúng Bộ nói trên, và mô tả chi tiết những giới luật của các vị tỳ kheo và tỳ kheo ni.

---o0o---

44. Tứ Phần Luật

Dharmaguptaka-vinaya?

60 quyển

Do Phật Da Xá (Buddhayasas)

và Trúc Phật Niệm (Chu-fo-nien) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1428

Trong việc thực hành Phật giáo có bộ giới luật để tuân thủ những qui luật trong đời sống hằng ngày, được gọi theo chữ Hán là "Tứ Phần Luật" (chữ Phạn là Vinaya), nội dung được chia thành bốn phần; giới luật thánh điển này rất phổ biến ở Trung Quốc.

Tuy rằng con số giới luật có khác nhau giữa mỗi bộ kinh, "Tứ Phần Luật" này bao gồm 250 giới luật dành cho các tỳ kheo và 348 giới luật dành cho các tỳ kheo ni. Ở Nhật Bổn trước khi có những "Giới Luật Đại Thừa" do Tối Đằng (Saico) chủ xướng và trở thành phổ biến, các giới luật này đã được hai chúng tỳ kheo và tỳ kheo ni tuân phụng.

---o0o---

45. Thiện Kiến Luật Tì Bà Sa

Samantapàsàdikà (Pàli)

18 quyển

Do Tăng Già Bạt Đà La (Samghabhadra) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1462

Kinh điển này được gọi tắt là "Thiện Kiến Luật" hay "Thiện Kiến Luận," gồm những lời chú giải của Phật Âm Luận Sư (Buddhaghosa) về những giới luật của các tăng sĩ thuộc phái Thượng Tọa Bộ (Theravada).

Vì vậy, kinh này chủ yếu nói về các giới luật tu hành dành cho tỳ kheo và tỳ kheo ni thuộc phái Thượng Tọa Bộ, nhưng trong phần mở đầu có nói về ba Hội Đồng Tăng Lữ đầu tiên đã ghi chép các bộ kinh điển Phật giáo, và nói về việc truyền bá Phật giáo ở Tích Lan do Ma Sai Đà (Mahinda) con Vua A Dục (Asoka) thực hiện.

---o0o---

46. Phạm Võng Kinh

Brahmajàla-sùtra?

2 quyển

Do Cưu Ma La Thập (Kumarajiva) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1484

Phạm Võng Kinh nói về những giới luật dành cho các vị Bồ Tát trong phái Đại Thừa, và Tối Đằng (Saicho) đã dùng làm nền tảng cho phái Thiên Thai (Tendai) ở Nhật Bổn. Về sau, giới luật của tăng sĩ Nhật Bổn chỉ gồm 10 giới luật trọng yếu và 48 giới luật thứ yếu; kinh này đã tạo ảnh hưởng rất lớn đối với Phật giáo Nhật Bổn.

Điểm đáng nói của các "giới luật Đại Thừa" mô tả trong kinh này, và được coi là "Phạm Võng Giới," là không có sự phân biệt giữa Phật tử tại gia và các tỳ kheo, luật này dạy rằng tất cả các môn đồ Phật giáo đều cần phải tuân hành những giới luật giống nhau.

Ở Trung Quốc và Nhật Bổn, kinh này được coi trọng như là kinh điển hàng đầu, đặt ra những giới luật cho Phật giáo Đại Thừa.

---o0o---

47. Ưu Bà Tắc Giới Kinh

Upàsakásila-sùtra?

7 quyển

Do Đàm Vô Sám (T'an-wu-ch'an) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1488

Kinh này gồm những điều dạy cho một Phật tử tại gia tên là "Thiện Sanh" (Sujata) trưởng giả, nói về giới luật nên gìn giữ đối với cư sĩ tại gia – chữ "Ưu Bà Tắc" là phiên âm từ chữ "upasaka" trong tiếng Phạn có nghĩa là "người hành đạo tại gia thuộc phái nam" và nó còn được gọi là "Thiện Sanh Kinh" (Sujuta-sutra) do tên của nhân vật chính được đề cập trong kinh này.

Những giới luật ghi trong kinh được gọi là "Đại Thừa Giới" hoặc

"Bồ Tát Giới" và do đó nó rất được coi trọng ở Trung Quốc, là nơi mà tư tưởng Phật giáo Đại Thừa rất thịnh hành.

Kinh này được coi như là phần mở rộng thêm và mô phỏng theo những nguyên tắc Đại Thừa được ghi trong Trường A Hàm Kinh (số 1) và Trung A Hàm Kinh (số 2). Vì nó chứa đựng những lời trích dẫn từ các kinh điển Đại Thừa khác nhau, cho nên nó cũng là một nguồn tài liệu giá trị để truy cứu lịch sử về sự phát triển của các kinh điển Phật giáo.

---o0o---

48. Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Ưu Bà Đề Xá

Saddharmapundarìkopadésa

2 quyển
Do Bà Số Bàn Đậu (Vasubandhu) soạn thảo
Do Bồ Đề Lưu Chi (Bodhiruchi)
và Đàm Lâm (T'an-lin) dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1519

Chữ "ưu bà đề xá" là phiên âm từ chữ Phạn "upadesa," có nghĩa là "chú giải," vì vậy kinh này là chú giải về Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Tuy nhiên, bản Liên Hoa Kinh mà nó căn cứ vào đó để chú giải khác với bản Diệu Pháp Liên Hoa Kinh (số 12) do Cưu Ma La Thập dịch sang Hán văn, và nó rất giống với bản tiếng Nepal của Liên Hoa Kinh. Kinh này cũng là cuốn thứ ba và cuối cùng của "Pháp Hoa Tam Bộ Kinh" và nối tiếp vào chương sau cùng của "Diệu Pháp Liên Hoa Kinh" (số 12).

---o0o---

49. Thập Trụ Tì Bà Sa Luận

Dásabhùmika-vibhàsà

17 quyển
Do Long Thọ (Nagarjuna) viết
Do Cưu Ma La Thập (Kumarajiva) dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1521

Đây là sách chú giải gồm 35 chương bàn về Thập Địa Phẩm (Dasabhumika), tức là chương quan trọng nhất của Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh (số 15), tuy rằng nó chỉ giảng giải về hai giai đoạn đầu tiên trong việc tu hành quả vị bồ tát. Nó không chú giải đầy đủ về 10 giai đoạn tu hành, nhưng Chương 9 – nhan đề là "Dị Hành" (dễ thực hành) – đã tạo ảnh hưởng rất lớn đối với sự phát triển của phái Tịnh Độ Tông.

Cần lưu ý rằng Cưu Ma La Thập đã dịch chữ Phạn "bhumi" (giai đoạn) sang chữ Hán là "trụ" (thân trụ), nhưng chữ này cũng giống như chữ "địa" cho nên có người gọi kinh này là "Thập Địa." Còn chữ "Tì Bà Sa" là phiên âm chữ Phạn "vibhasa," có nghĩa là "bình luận" hoặc "chú giải."

---o0o---

50. Phật Địa Kinh Luận

Buddhabhùmisùtra-sàstra?

7 quyển

Do Thân Quang Đẳng (Bandhuprabha) viết

Do Huyền Trang dịch

Giai đoạn trước khi thành Phật được gọi là Bồ Tát. Và địa vị Bồ Tát lại còn được chia thành nhiều giai đoạn khác nhau, giai đoạn thứ 10 và cuối cùng được gọi là "Phật địa" (buddhabhumi). Phật Địa Luận Kinh (Buddhabhumisutra-sutra) tức là sách chú giải về Phật Địa Kinh (Buddhabhumi-sutra).

Nội dung của kinh này mô tả chi tiết về những phương diện khác nhau của "giai đoạn thành Phật" (Phật địa). Để chú giải, nội dung của Phật Địa Kinh đã được chia thành ba phần, đây là một hình thức phân chia đã được dùng làm mẫu mực cho nhiều cuốn sách bình luận về những kinh điển khác.

---o0o---

51. A Ti Đạt Ma Câu Xá Luận

Abhidharmakósa-bhàsya

30 quyển
Do Thế Thân (Vasubandhu) viết
Do Huyền Trang dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1558

Luận này thường được gọi tắt là "Câu Xá Luận," là bản tóm lược cương yếu của A Tì Đạt Ma Tỳ Bà Sa Luận, có thể nói đó là bộ Luận giải thích đầy đủ nhất về Phật giáo Tiểu Thừa (Hinayana), và cung cấp nền tảng giáo lý cho phái Câu Xá Tông, một trong 6 tông phái Phật giáo được truyền vào Nhật Bổn trong thời đại Nại Lương (Nara) ở Nhật, và nó cũng được dùng làm sách giáo lý cơ bản của tông phái Pháp Tướng (Hosso).

Nội dung của nó dùng để phê phán những giáo lý của tông phái "Nhất Thiết Hữu Bộ" (Sarvastivadin) của Phật giáo Tiểu Thừa, nhưng vì tóm lược một cách đầy đủ về những giáo lý đó, cho nên được coi như cuốn sách hướng dẫn về tông phái Hữu Bộ.

Tại Nhật Bổn kinh này là kinh điển căn bản để hiểu biết về những giáo nghĩa của Pháp Tướng Tông, cho nên nó đã trở thành đối tượng để nghiên cứu trong nhiều thế kỷ.

---o0o---

52. Trung Luận

Madhyamaka-sàstrra

4 quyển
Do Long Thọ viết
Do Cưu Ma La Thập dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1564

Bộ Luận này bao gồm 445 thi kệ do Bồ Tát Long Thọ sáng tác để giải thích "Trung Đạo," tức là lập trường căn bản của trường phái Trung Quán (Madhyamika) của Phật giáo Đại Thừa Ấn Độ, và nó cũng bao gồm cả phần chú giải của Thanh Mục (Pingala).

Ở Nhật Bổn bộ luận này được dùng làm thánh điển căn bản của

Tam Luận Tông (Sanron), một trong 6 trường phái Phật giáo du nhập vào Nhật Bổn trong thời đại Nại Lương (Nara).

Lời chú giải của Thanh Mục chỉ là một trong nhiều sách chú giải về những kệ tụng của Long Thọ, nhưng, chính những câu kệ đó tự nó rất quan trọng, vì chúng đã cung cấp nền tảng về lý thuyết cho Phật giáo Đại Thừa và đã tạo ảnh hưởng lớn lao đối với sự phát triển của tư tưởng Đại Thừa.

---o0o---

53. Du Già Sư Địa Luận

Yogàcàrabhùmi

100 quyển

Do Di Lặc (Maitraya) thuyết giảng

Do Huyền Trang dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1579

Đây là luận điển căn bản của phái Du Già (Yogacara) còn được gọi là phái Duy Thức (Vijnanavada), một trong hai chi nhánh chính yếu của Phật giáo Đại Thừa Ấn Độ – chi nhánh kia là phái Trung Quán.

Ngoài sự mô tả A Lại Da Thức (alaya-vijnana), nó cũng nói chi tiết về những giáo lý khác nhau của Phật giáo, cho nên Luận này là một thánh điển trọng yếu không thể bỏ qua trong việc nghiên cứu cả hai phái Tiểu Thừa và Đại Thừa.

Bản dịch nói rằng kinh này do Di Lặc thuyết giảng và do Vô Trước (Asanga) ghi chép, nhưng, theo truyền thuyết Phật giáo Tây Tạng thì Vô Trước mới chính là tác giả.

---o0o---

54. Thành Duy Thức Luận

Vijnãptimàtratàsddhi-sàstra?

10 quyển

Do Hộ Pháp Đẳng (Dharmapala) viết

Do Huyền Trang dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1585

Đây là sách chú giải về cuốn "Duy Thức Tam Thập Tụng" (Trimsika) (số 55) của Thế Thân (Vasubandhu) căn cứ vào những lời chú giải của 10 vị học giả Ấn Độ, tuy rằng nó được soạn thảo từ quan điểm của Hộ Pháp Đẳng và chỉ nói sơ qua về quan điểm của 9 lời bình luận khác. Nội dung trình bày sự giảng giải về tông phái Du Già (Yogacara) hay Duy Thức (Vijnanavada), chủ trương rằng có một ý thức căn bản gọi là "A Lại Da Thức" (alaya-vijnana). Sự tồn tại của tất cả nhân loại đều lấy A Lại Da Thức làm căn bản, trong đó tất cả những hành động trong quá khứ đều được tàng trữ. Và những hành động trong quá khứ đó tái hiện trong những hành động của hiện tại và tương lai, vì vậy tất cả mọi hiện tượng đều chỉ là những biểu hiện của tâm thức.

Luận này không những là thánh điển căn bản của tông phái Pháp tướng ở Trung Quốc và Nhật Bổn mà còn là bộ luận trọng yếu mà những ai muốn tìm hiểu về Phật giáo cần phải nghiên cứu.

---o0o---

55. Duy Thức Tam Thập Luận Tụng

Trimsíkà

1 quyển
Do Thế Thân (Vasubandhu) viết
Do Huyền Trang dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1586

Nhan đề "Duy Thức Tam Thập Luận Tụng" (Ba Mươi Câu Kệ Về Giáo Lý Duy Thức) là do Luận này gồm có 30 thi kệ, và được coi là thánh điểm căn bản của tông phái Pháp Tướng ở Trung Quốc và Nhật Bổn. [Ngoài ra còn có tên gọi khác: "Tam Thập Duy Thức," "Tam Thập Luận" và "Duy Thức Tam Thập Tụng"].

Bộ Luận cũng là chủ trương căn bản của giáo lý Duy Thức, trong đó nói rằng tất cả mọi hiện tượng đều là những biểu hiện của tâm thức. Được coi là bộ luận cuối cùng của Thế Thân, và cuốn "Thành Duy Thức Luận" (Vijnaptimatratasiddhi-sutra) (số 54) là sách chú giải căn cứ vào cuốn này.

---o0o---

56. Duy Thức Nhị Thập Luận

Vimsátikà

1 quyển

Do Thế Thân viết

Do Huyền Trang dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1590

Nhan đề "Duy Thức Nhị Thập Luận" (Hai Mươi Câu Kệ Bàn Luận Về Giáo Lý Duy Thức) là do kinh này gồm có 20 câu kệ, mỗi câu được viết lời chú giải thích về giáo lý Duy thức mà còn đưa ra lời phê phán về những tư tưởng không thuộc Phật giáo và về giáo nghĩa của phái Tiểu Thừa nhìn từ quan điểm của giáo lý Duy Thức, cho rằng tất cả mọi hiện tượng đều chỉ là những biểu hiện của tâm thức (a lại da thức) con người.

Luận điểm này thường được trích dẫn trong "Thành Duy Thức Luận" (Vijnaptimatratasddhi-sutra) (số 54) như là một luận điển trọng yếu.

---o0o---

57. Nhiếp Đại Thừa Luận

Mahayànasamgraha

3 quyển

Do Vô Trước (Asanga) viết

Do Chân Đế (Paramartha) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1593

Bộ luận này có tên là "Nhiếp Đại Thừa" là vì muốn hệ thống hóa tư tưởng Phật giáo thành một cuốn tổng luận từ quan điểm của phái Duy Thức. Những điều cốt yếu của Phật giáo Đại Thừa được sắp đặt và phân loại theo 10 tiểu đề, dưới mỗi tiểu đề là một chương luận thuyết.

Đây là Luận điển căn bản của tông phái Nhiếp Luận (She-lun) ở Trung Quốc. Và nhan đề của nó cũng được gọi tắt là Nhiếp Luận.

---o0o---

58. Biện Trung Biện Luận

Madhyàntavibhàga

3 quyển

Do Thế Thân (Vasubandhu) viết

Do Huyền Trang dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1600

Đây là sách chú giải về tác phẩm "Biện Trung Biên Luận Tụng" của Di Lặc (Maitreya). Bản dịch của Chân Đế (Paramartha) được gọi là "Trung Biên Phân Biệt Luận."

Luận này hệ thống hóa giáo lý của phái Du Già, tức là phái Duy thức, từ quan điểm của "Trung" (tức Trung Đạo), là lập trường căn bản của Phật giáo Đại Thừa. Còn chữ "Biên" dùng để chỉ những tư tưởng mâu thuẫn hoặc những quan niệm cực đoan, mà muốn xa lìa chúng thì phải dùng tới "Trung," và đó là lập trường căn bản của Luận điển này.

---o0o---

59. Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luận

Mahàyànasùtralamkàra

13 quyển

Do Vô Trước (Asanga) viết

Do Ba la Pha Mật Đa La (Prabhakaramitra) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1604

Luận này bao gồm những câu kệ của Di Lặc (Maitreya) và những lời chú giải của Vô Trước. Nội dung trình bày những giáo nghĩa Đại Thừa vừa là giáo lý thượng đẳng vừa là thích hợp nhất để cứu độ chúng sanh. Trên quan điểm đó, luận này mô tả chi tiết về những đường lối tu hành của các vị Bồ Tát.

Bản dịch Hán văn nói rằng kinh này do Vô Trước viết, nhưng sự thật có thể những lời chú giải do những câu kệ của Di Lặc là do Thế

Thân (Vasubandhu) viết căn cứ vào những lời giảng bằng miệng của Vô Trước – là anh của Thế Thân.

---o0o---

60. Đại Thừa Thành Nghiệp Luận

Karmasiddhiprakarana

1 quyển
Do Thế Thân viết
Do Huyền Trang dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1609

Luận này muốn chứng minh rằng tất cả những hành vi của nhân loại – thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp – đều là những biểu hiện của "tâm thức tàng trữ" (tạng thức) tức A Lại Da Thức (alaya-vijnana) mà phê phán những quan niệm về sự chiêu cảm của "nghiệp" (karma) của phái Tiểu Thừa (Hinayàna). Vì vậy có thể nói rằng luận này có ý định dùng quan niệm A Lại Da Thức – tâm thức căn bản của ý thức nhân loại – để hệ thống hóa những lý thuyết khác nhau về nghiệp và về ý thức.

---o0o---

61. Cứu Cánh Nhất Thừa Bảo Tánh Luận

Ratnagotravibhàgamahayànottaratantra-sàstra

4 quyển
Do Nặc Na Ma Đề (Ratnamati) dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1611

Là tác phẩm tiêu biểu của phái Như Lai Tạng (Tathagatagarbha) thuộc Phật giáo Đại Thừa, Luận này đưa ra sự giải thích có hệ thống về ý niệm cho rằng tiềm năng trở thành Phật tiềm tàng ngay cả trong những con người tầm thường trong xã hội. Nội dung bao gồm nhiều câu trích dẫn từ những kinh điển khác bàn về ý niệm này, và, do đó nó là một chìa khóa quan trọng để hiểu về những giai đoạn sơ khởi của sự phát triển của thuyết Như Lai Tạng.

Luận điển này không nói tên tác giả, nhưng theo truyền thuyết ở

Trung Quốc thì do Kiên Huệ (Saramti) viết, nhưng theo Phật giáo Tây Tạng thì Di Lặc (Maitreya) là tác giả và do Vô Trước (Asanga) viết lời chú giải.

---o0o---

62. Nhơn Minh Nhập Chánh Lý Luận

Nyàyapravésa

1 quyển

Do Thương Kiết La Chủ (Sankarasvamin) viết

Do Huyền Trang dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1630

Nhơn Minh là dịch từ chữ Phạn "Nyana" có nghĩa là "luận lý" và nhan đề Luận này là "dẫn nhập vào luận lý học," là sự giới thiệu đơn giản và ngắn gọn về những lý thuyết của Trần Na (Dignaga), người sáng lập tông phái Phật giáo "Tân Nhơn Minh", do đệ tử của Trần Na là Thương Kiết La Chủ viết.

Trong khi tác phẩm của chính Trần Na là "Nhơn Minh Chánh Lý Môn Luận" (Nyayamukha) (ngưỡng cửa của luận lý) là một luận điển rất khó hiểu, cuốn sách này của Thương Kiết La Chủ được viết bằng ngôn ngữ giản dị, vì vậy bộ luận này thường được các học giả Trung Quốc và Nhật Bổn tham khảo để nghiên cứu.

---o0o---

63. Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận

Síksàsamuccaya

25 quyển

Do Pháp Xứng (Dharmakirti) soạn

Do Pháp Hộ (Dharmapala) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1636

Đây là bộ Luận tập đại thành những giáo lý để tu tập hạnh Bồ Tát, tức là người thực hành Phật giáo Đại Thừa. Nội dung bao gồm ba phần –

những câu kệ tụng, những trích dẫn từ các kinh điển khác, và, những lời chú giải đơn giản của tác giả – và là một nguồn tư liệu quí giá đối với những ai muốn tìm hiểu về giáo chính thống Ấn Độ ở vào thời hậu kỳ.

Bản Hán dịch nói rằng Pháp Xứng (Dharmakìrti) là tác giả, nhưng theo bản chữ Phạn thì Luận này do Tịch Thiên (Sàntideva) biên soạn.

---o0o---

64. Kim Cang Châm Luận

Vajrasùcì

1 quyển

Do Pháp Xứng (Dharmakirti) viết

Do Pháp Thiên (Dharmadeva) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1642

Nhan đề Luận có nghĩa là "cây kim bằng kim cương," nội dung phê phán nghiêm khắc về thẩm quyền của kinh điển Vệ Đà và địa vị tối thượng của Đấng Phạm Thiên (Brahman) trong Bà La Môn giáo, tôn giáo truyền thống của Ấn Độ, xét từ quan điểm Phật giáo, Kinh này cũng bác bỏ hệ thống phân chia giai cấp của Bà La Môn giáo, nêu ra những giai cấp đều bình đẳng, và đả kích bất cứ điều gì dung dưỡng một hệ thống như vậy.

Bản Hán dịch nói rằng tác giả là Pháp Xứng, nhưng trong bản gốc Phạn văn nói rằng kinh này do Mã Minh (Asvaghosa) viết.

---o0o---

65. Chương Sở Tri Luận

quyển

Do Phát Hợp Tư Ba (hPhags-pa) viết

Do Sa La Ba (Sha-lo-pa) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1645

Luận này do Phát Hợp Tư Ba (hPhags-pa), người Tây Tạng, viết vào triều đại nhà Nguyên, dành cho vị thái tử đương thời, như là một cuốn sách cương yếu tổng quan về tư tưởng Phật giáo, và đề cập những vấn đề như nhân sinh quan và vũ trụ quan của Phật giáo.

Xét tổng quát, giáo lý trong kinh này căn cứ vào "Câu Xá Luận" (Abbidharmakosabhasya) (số 51), nhưng cũng có những tư tưởng đặc thù của riêng nó.

Nhan đề "Chương Sở Tri Luận" có nghĩa là "luận về chuyện làm sáng tỏ những gì được biết," ý nói rằng tất cả những giáo lý cần biết đều được làm sáng tỏ trong nội dung sách này.

---o0o---

66. Bồ Đề Hành Kinh

Boddhicaryàvatàra

4 quyển

Do Long Thọ (Nagarjuna) viết

Do Thiên Tức Tai (Devasanti) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1662

Nhan đề kinh có thể dịch nghĩa là "đi vào con đường giác ngộ," gồm 8 chương viết bằng hình thức thi kệ và mô tả những phương pháp tu hành để đạt tới giác ngộ, tức là mục đích tối hậu của Phật giáo, và những công đức gặt hái được nhờ thực hành những giáo lý này.

Đặc biệt trong chương thứ nhất nhấn mạnh sự quan trọng của việc phát "bồ đề tâm" (boddhicitta), tức là quyết tâm cố gắng đạt tới giác ngộ.

Bản Hán dịch nói rằng kinh này do Long Thọ viết, nhưng cả hai bản Phạn ngữ lẫn bản Tây Tạng ngữ đều nói rằng tác giả là Tịch Thiên (Santideva); và ngay cả trong bản Hán dịch người ta thấy những nhóm chữ như "Thánh Long Thọ Bồ Tát." Vì vậy các học giả xét rằng khó có chuyện tác giả lại tự xưng mình là "Thánh," do đó họ tin rằng Tịch Thiên mới thật sự là tác giả kinh này.

---o0o---

67. Kim Cang Đỉnh Du Già Trung Phát a Nậu Đa La Tam Miệu Tam

Bồ Đề Tâm Luận

1 quyển

Do Bất Không (Amoghavajra) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1665

Tại Nhật Bổn, phái Chơn Ngôn (Shingon), một tông phái Mật giáo, coi kinh này là trọng yếu mà mọi tín đồ của họ cần phải đọc, và nó thường được gọi vắn tắt là "Bồ Đề Tâm Luận" hoặc "Phát Bồ Đề Tâm Luận."

Nội dung bàn về "phát khởi ý tưởng giác ngộ," nghĩa là tập trung tâm trí và phát nguyện rằng sẽ phải đạt tới giác ngộ, và "đạt tới Phật tánh trong nhục thân này," nghĩa là đạt tới giác ngộ trong thể xác này (tức thân thành Phật), và, nó cũng bàn luận về những khác biệt giữa Hiển giáo và Mật giáo.

Luận này được gán cho Long Thọ là tác giả, nhưng nhiều học giả từ trước tới nay thường nghi ngờ về điều đó.

---o0o---

68. Đại Thừa Khởi Tín Luận

Mahàyànásraddhotpàda-sàstra?

1 quyển

Do Mã Minh (Asvaghosa) viết

Do Chân Đế (Paramartha) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1666

Nhan đề có nghĩa là "luận về sự phát khởi niềm tin vào Đại Thừa," nội dung tóm lược cả phương diện lý thuyết lẫn phương diện thực hành của những tư tưởng trọng yếu trong Phật giáo Đại Thừa, vì vậy từ trước tới nay nó được phổ biến rộng rãi trong đại chúng như là kinh điển nhập môn của Phật giáo Đại Thừa. Luận này không dài, nhưng nó rất quan trọng trong lịch sử ở Trung Hoa và Nhật Bổn đối với các tông phái khác nhau, như các phái Hoa Nghiêm, Thiên Thai, Tịnh Độ, Chơn

Ngôn.

Tuy nhiên, vẫn còn có nhiều nghi vấn liên quan tới tác giả và xuất xứ; cho tới nay người ta không biết nó được soạn ở Ấn Độ hay ở Trung Hoa, và không rõ tác giả Mã Minh sống trước hay sau Long Thọ.

---o0o---

69. Thích Ma Ha Diễn Luận

10 quyển
Do Long Thọ (Nàgàrjuna) viết
Do Phạt Đề Ma Đa (Vrddhimata) dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1668

Chữ "Ma Ha Diễn" trong nhan đề là do phiên âm từ chữ Phạn "Mahayana," vì vậy nhan đề có nghĩa là "Chú Thích Về Đại Thừa Khởi Tín Luận" (và "Đại Thừa Khởi Tín Luận" là sách số 68 trên đây).

Giống như cuốn "Đại Thừa Khởi Tín Luận," cuốn này cũng đã có nhiều ý kiến khác nhau liên quan tới tác giả và xuất xứ, nhưng thường được cho là soạn thảo vào thế kỷ thứ 6 hay thứ 7 ở Trung Hoa hoặc ở Đại Hàn.

Vì nó được Không Hải (Kuhai), người sáng lập phái Chơn Ngôn (Shingon) ở Nhật Bổn, nhìn nhận là tác phẩm đích thực của Long Thọ cho nên Luận này đã được phái Chơn Ngôn coi là Luận điển quan trọng để nghiên cứu.

---o0o---

70. Na Tiên Tỳ Kheo Kinh

Milindapãnhà
2 quyển
Không biết tên dịch giả
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1670

Tuy bản Hán dịch gọi là "kinh" nhưng sách này không phải là ghi chép lại những lời thuyết giảng của chính Đức Phật Thích Ca, mà là chuyện thuật lại một cuộc đối thoại về tư tưởng Phật giáo giữa Vua Di Lan Đà (Milinda), vị vua của Hy Lạp cai trị vùng tây bắc Ấn Độ ở hậu bán thế kỷ thứ hai trước Tây lịch, và một vị tỳ kheo Ấn Độ tên là Na Tiên (Nagasena). Kinh này kết thúc với chuyện Vua Di Lan Đà qui y phật pháp, và đây là một nguồn tư liệu rất quý giá trong việc nghiên cứu những khác biệt giữa các tư tưởng đông phương và tây phương.

Trong kinh điển tiếng Pa-li kinh này không được liệt vào Tam Tạng Kinh, nhưng về phương diện văn học Phật giáo nội dung của nó có một giá trị rất quan trọng. Tuy nhiên, bản Hán dịch hơi khác biệt về nội dung đối với bản Pa-li ngữ, và bút pháp dịch thuật cũng không được lưu thoát.

-- o0o ---

PHẦN II - KINH ĐIỂN TRUNG HOA

---o0o---

71. Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh U Táng

2 quyển
Do Khuy Cơ (K'uei-chi) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1710

Bát Nhã Ba La Mật Đa U Táng là sách chú giải đầu tiên bằng Hán văn về "Bát Nhã Tâm Kinh" (số 11) do Huyền Trang dịch, và nhan đề sách này cũng được gọi tắt là "Tâm Kinh U Táng."

Nội dung của sách này chú giải từng mỗi chữ trong "Bát Nhã Tâm Kinh" căn cứ vào những giáo nghĩa của tông phái Pháp Tướng, đồng thời cũng thêm vào những giáo nghĩa của tông phái Tam Luận

---o0o---

72. Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa

20 quyển
Do Trí Khải (Chih-i) thuyết giảng
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1716

Nhan đề sách này có nghĩa là "ý nghĩa thâm sâu mầu nhiệm của Diệu Pháp Liên Hoa Kinh,' và cùng với hai cuốn "Ma Ha Chỉ Quán" (số 79) và "Pháp Hoa Văn Cú" (Đại Chánh Đại Tạng số 1718) nó là một trong "Tam Đại Bộ" của tông phái Thiên Thai, và thường được gọi là "Pháp Hoa Huyền Nghĩa."

Sách này giải nghĩa tường tận về 5 chữ Hán nhan đề của "Diệu Pháp Liên Hoa Kinh" (số 12), đồng thời giảng giải chi tiết về những giáo nghĩa của phái Thiên Thai – những giáo nghĩa đó đã dùng tư tưởng Pháp Hoa làm cơ sở. Vì vậy sách này là Luận điểm trọng yếu không thể thiếu trong thời kỳ thành lập của phái Thiên Thai ở Trung Quốc và thật sự nó đã được dùng làm cái sườn để xây dựng tư tưởng của phái này.

Nó là bộ sách ghi lại những lời thuyết giảng của Trí Khải do môn đồ của ngài là Quán Đỉnh (Kuan-ting) ghi chép, và, không chỉ kiến giải trên lý thuyết mà còn căn cứ vào kinh nghiệm thực chứng tôn giáo của chính Trí Khải đại sư.

---o0o---

73. Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ

4 quyển
Do Thiện Đạo (Shan-tao) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1753

Đây là sách chú giải về "Quán Vô Lượng Thọ Kinh" (số 18), và thường được gọi tắt là "Quán Kinh Sớ," nhưng ở Nhật Bổn thường được gọi là "Tứ Thiếp Sớ," vì nội dung được chia làm 4 phần.

Sách này là cốt lõi của tư tưởng Tịnh Độ tông của Thiện Đạo, và nó đã tạo ảnh hưởng rất lớn đối với Tịnh Độ tông ở Nhật Bổn. Pháp Nhiên (Hònen), vị tổ sư của phái Tịnh Độ Nhật Bổn, nhờ được biết kinh sớ này qua "Vãng Sanh Yếu Tập" (số 131) của Nguyên Tín (Genshin) nên đã từ bỏ tất cả pháp môn đã tu hành trước kia để tu pháp

môn Tịnh Độ. Kể từ đó bản kinh sớ này đã được coi là vô cùng quan trọng đối với phái Tịnh Độ ở Nhật Bổn.

---o0o---

74. Tam Luận Huyền Nghĩa

1 quyển
Do Cát Tạng (Chi-t'sang) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1852

Nhan đề "Tam Luận Huyền Nghĩa" có nghĩa là "ý nghĩa sâu xa vi diệu của Tam Luận," sách này do Đại Sư Gia Tường Cát Tạng trước tác, ngài là người đã đặt nền móng lý thuyết cho tông phái Tam Luận Tôn, và, đây là luận thuyết căn bản của phái đó, và đã được dùng làm quyển sách nhập môn cho tư tưởng Trung Quán Phật giáo.

"Tam Luận" là ba bài luận thuyết nói về "Trung Luận" (Madhyamaka-sastra) (số 52), "Bách Luận" (Sata-sastra) (Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1509) và "Thập Nhị Môn Luận" (Dvadasamukha-sastra) (dc số 1568); và trong sách này Cát Tạng giải thích tại sao ba bài luận thuyết đó, cùng với "Đại Trí Độ Luận" (Mahaprajnaparamita-sastra) (Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1509), đã được phái Luận Tôn coi trọng như vậy; kế đó ngài giải thích thêm về những đặc tính của mỗi kinh luận đó cũng như những tương quan lẫn nhau của chúng.

Sự thật là phái Tam Luận của Nhật Bổn đã coi trọng cuốn "Tam Luận Huyền Nghĩa" này hơn cả chính "Tam Luận" (ba cuốn luận thuyết nói trên).

---o0o---

75. Đại Thừa Huyền Luận

5 quyển
Do Cát Tạng (Chi-tsang) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1853

Đây là một trong những tác phẩm quan trọng nhất của Đại Sư Gia Tường Cát Tạng – người đã nâng cao giáo lý của phái Tam Luận lên tột đỉnh. “Đại Thừa Huyền Luận” – có nghĩa là “luận về ý nghĩa thâm sâu của Đại Thừa” – cố gắng hệ thống hóa những giáo lý từ lập trường triết học Trung Quán mà phái Tam Luận chủ trương.

Trong sách này Cát Tạng bàn luận về những giòng tư tưởng chính tìm thấy trong những kinh điển Đại Thừa được nghiên cứu ở Trung Hoa vào thời của ngài, và nêu ra những tương phản trong nội dung của chúng khi so sánh với những giáo lý của phái Tam Luận. Vì vậy, cùng với cuốn “Tam Luận Huyền Nghĩa” (số 74), “Đại Thừa Huyền Luận” được coi là một trong những thánh điển quan trọng nhất của phái Tam Luận.

---o0o---

76. Triệu Luận

1 quyển
Do Tăng Triệu (Sheng-chao) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1858

Nhan đề có nghĩa là “Luận văn của Tăng Triệu,” bao gồm bốn bài bình luận của Tăng Triệu – một đệ tử của Cưu Ma La Thập - cùng với một bài viết ngắn thêm vào đó để tóm lược những quan điểm căn bản của tác giả về Phật giáo. Cuốn sách này đã tạo ảnh hưởng đáng kể đối với Phật giáo Trung Hoa sau này, và cùng với cuốn “Chú Duy Ma Cật Kinh” (Chú Giải Kinh Duy Ma Cật) (Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1775) cũng do ngài viết, đây là một trong những tác phẩm tiêu biểu của Tăng Triệu.

Điểm đặt biệt của sách này là dùng lối tư duy và lý giải đặc thù của Trung Hoa về Phật giáo. Một điều đáng kể nữa là những phương diện trọng yếu của giáo lý Phật giáo đã được lý giải qua sự viện dẫn triết học truyền thống Trung Quốc. Vì vậy, đay là một tác phẩm rất quan trọng đối với quá trình phát triển của Phật giáo ở Trung Hoa.

---o0o---

77. Hoa Nghiêm Nhất Thừa

Giáo Nghĩa Phân Tề Chương

1 quyển
Do Đàm Vô Mật Đa (Dharmamitra) dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 277q

Sách này thường được gọi tắt là "Hoa Nghiêm Ngũ Giáo Chương" (Luận Về Năm Giáo Lý) hoặc "Ngũ Giáo Chương," nó vừa là một khái luận về Phật giáo nhìn từ lập trường của tông phái Hoa Nghiêm, nhưng đồng thời có thể coi như là kinh điển nhập môn của phái Hoa Nghiêm.

Trong sách này Pháp Tạng phân chia Phật giáo thành "Ngũ giáo," và coi Kinh Hoa Nghiêm (số 15) là kinh điển tối thượng, nhưng đồng thời tác giả không quên rằng Phật giáo là một tổng thể gồm nhiều bộ phận, vì vậy ngài đã trình bày một hệ thống bao quát về những giáo nghĩa của tông giáo này.

---o0o---

78. Nguyên Nhơn Luận

1 quyển
Do Tôn Mật (Tsung-mi) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1886

Bộ Luận này còn được gọi là "Hoa Nghiêm Nguyên Nhơn Luận," trong đó Tôn Mật – người đề xướng hợp nhất hai tông phái Thiền và Hoa Nghiêm – bàn luận về vấn đề "căn nguyên của sự tồn hữu của nhân loại."

Tác giả mở đầu bằng sự phê phán về Khổng Giáo và Lão Giáo, đồng thời từ chối phái Tiểu Thừa và loại Đại Thừa "tạm thời," sau đó ngài giảng về loại Đại Thừa đích thực, và kết luận rằng tất cả mọi lập trường và tư tưởng mà ngài đã phê phán thật ra là những thành tố giúp đưa tới sự biểu hiện căn nguyên đích thực của sự tồn hữu của nhân loại. Có thể nói rằng trong tác phẩm này Tôn Mật đã nỗ lực gồm thâu tất cả các giáo lý vào trong một toàn thể thống nhất.

---o0o---

79. Ma Ha Chỉ Quán

20 quyển
Do Trí Khải (Chih-i) thuyết giảng
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1911

Là một trong "Tam Đại Bộ" (số 72) của phái Thiên Thai, tác phẩm này là một tuyển tập gồm những bài thuyết giảng của Trí Khải, người sáng lập phái Thiên Thai ở Trung Hoa, do đệ tử của ngài là Quán Đỉnh ghi chép lại, và còn được gọi là "Thiên Thai Ma Ha Chỉ Quán" hoặc giản dị là "Chỉ Quán."

Sách này là kinh điển cơ bản về những phương pháp thực hành của phái Thiên Thai, và mô tả những phương pháp tu trì để quan sát bản chất của trí tuệ. Nó được chia thành 10 chương, nhưng từ chương thứ 8 đến chương thứ 10 đã bị thất truyền. Tuy nhiên, nó là một tác phẩm đã tạo ảnh hưởng đáng kể đối với sự phát triển sau này của Phật giáo ở Trung Hoa và Nhật Bổn.

Vì nó căn cứ vào những kinh nghiệm tôn giáo và sự tu trì của Trí Khải, cho nên tác phẩm này được đánh giá rất cao, và, chính nhờ cuốn sách này mà Trí Khải đã được coi là vị tổ sư vĩ đại nhất trong lịch sử Phật giáo Trung Hoa.

---o0o---

80. Tu Tập Chỉ Quán Tọa Thiền Pháp Yếu

1 quyển
Do Trí Khải (Chih-i) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1915

Sách này còn được gọi là "Đồng Mông Chỉ Quán" hoặc "Tiểu Chỉ Quán," nội dung trình bày những yếu nghĩa căn bản của phương pháp tọa thiền thuộc phái Thiên Thai, dành cho những người mới bắt đầu học thiền.

Sách này do Đại Sư Trí Khải, người sáng lập phái Thiên Thai ở Trung Hoa, soạn ra để cho người anh ngài là Trần Giảm (Ch'en-chen)

học thiền; vì vậy, đây là cuốn sách chỉ dẫn rất đơn giản về phương pháp thực hành môn tọa thiền mà tất cả các tăng sĩ mới gia nhập phái Thiên Thai Nhật Bổn phải đọc.

---o0o---

81. Thiên Thai Tứ Giáo Nghi

1 quyển
Do Đế Quán (Cheg-gwan) ghi chép
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1931

Sách này còn được gọi tắt là "Tứ Giáo Nghi" (Khái Lược Về Bốn Giáo Lý) hoặc "Đế Quán Lục" (Đế Quán Ghi Chép), nội dung trình bày đại cương về những giáo lý của phái Thiên Thai, cùng với một khái lược về những phương pháp tọa thiền dùng trong tông phái này. Vì vậy, có thể coi như đây là sách nhập môn về giáo nghĩa của phái Thiên Thai, đồng thời cũng là sách nhập môn về Phật giáo nói chung.

Đế Quán đã tới Trung Hoa từ Hàn Quốc, và sách này được tìm thấy sau khi ngài đã qua đời.

---o0o---

82. Quốc Thanh Bách Lục

4 quyển
Do Quán Đỉnh (Kuan-ting) thu thập
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1934

Sau khi Đại Sư Trí Khải của phái Thiên Thai viên tịch, một đệ tử của ngài là Quán Đỉnh đã thu thập 104 tài liệu và những văn kiện khác liên quan tới ngài. Chữ "Quốc Thanh" trong nhan đề là tên của Quốc Thanh Tự, ngôi chùa chính yếu phái Thiên Thanh ở Trung Hoa, và chữ "Bách Lục" là dùng con số chẵn 100 để chỉ 104 tài liệu trong sách này.

Nội dung của sách cung cấp những tài liệu căn bản để nghiên cứu về tiểu sử của đại sư Trí Khải, có cả những chiếu chỉ của hoàng đế Trung Hoa, những thư từ gửi cho đại sư Trí Khải, và những văn tự khắc vào bia, v.v... Do đó, đây là nguồn tài liệu phong phú để cung cấp

những sử liệu đương thời, và chứa đựng những dữ kiện quan trọng liên quan tới thời kỳ sơ khai trong lịch sử của phái Thiên Thai ở Trung Hoa.

---o0o---

83. Trấn Châu Lâm Tế Huệ Chiếu Thiền Sư Ngữ Lục

1 quyển
Do Huệ Nhiên (Hui-jan) thu thập
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 1985

Sách này thường được gọi là "Lâm Tế Lục," ghi chép những lời thuyết giảng của Lâm Tế Nghĩa Huyền, vị tổ sư của phái Lâm Tế thuộc Thiền tông, và do một đệ tử của ngài là Huệ Nhiên thu thập thành sách. Phái Lâm Tế coi đây là kinh sách quan trọng nhất ghi chép lại những lời giảng của một vị tổ sư Thiền tông.

Chữ "Trấn Châu" trong nhan đề là tên của một huyện ở Trung Hoa, và "Lâm Tế" là địa danh nơi cư trú của Tổ Sư Lâm Tế ở Trấn Châu. Chữ "Huệ Chiếu Thiền Sư" là danh hiệu mà vị hoàng đế đời Đường sắc phong cho ngài sau khi Lâm Tế đã viên tịch.

---o0o---

84. Phật Quả Viên Ngộ Thiền Sư Bích Nham Lục

10 quyển
Do Trùng Hiển (Ch'ung-hsien) thu thập
Và Khắc Cần (K'o-ch'in) bình luận
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2003

Sách này còn được gọi là "Bích Nham Lục" hoặc "Bích Nham Tập" (chữ "bích nham" có nghĩa là "vách đá màu xanh"), bao gồm 100 công án do Trùng Hiển lựa ra từ 1700 công án của sách "Truyền Đăng Lục" (chữ "truyền đăng" là "truyền cây đèn") (Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2076). Trùng Hiển đã thêm vào những câu thi kệ cho mỗi công án; và sau này những lời bình luận của Khắc Cần được ghi thêm vào sách.

Phái Lâm Tế coi sách này hết sức quan trọng và dùng làm kinh điển chỉ nam để truyền giảng về cách thực hành tham thiền.

Cũng nên nói thêm rằng chữ "công án" dùng để chỉ những ghi

chép về ngôn ngữ và hành động của các thiền giả kiệt xuất, có thể giúp cho những người mới học thiền dùng làm đề tài trầm tư.

---o0o---

85. Vô Môn Quan

1 quyển
Do Tông Chiếu (Tsung-chao) thu thập
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2005

Nhan đề có nghĩa là "quan ải không có cổng." Sách này bao gồm 48 công án do Thiền Sư Vô Môn Huệ Khai đời nhà Tống tuyển chọn và thêm vào mỗi công án một câu kệ tụng và lời bình luận. Sách này được phái Thiền Tông coi trọng nhất từ trước tới nay.

Khi so sánh với các sách công án khác thì cuốn này có số lượng ít hơn; vì ngắn gọn và là một cuốn sách thuộc loại nhập môn cho nên nó đã được phái Thiền tông đem ra thực hành nhiều hơn sách khác.

Chữ "Vô Môn" trong nhan đề có ý nói rằng tuy không có cổng để đi qua khi nhập vào cảnh giới khai ngộ, nhưng có một cái cổng vô hình gọi là "Vô Môn."

---o0o---

86. Lục Tổ Đại Sư Pháp Bảo Đàn Kinh

1 quyển
Do Tông Bảo (Tsung-pao) thu thập;
Do Pháp Hải (Fa-hai) ghi chép
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2008

Sách này còn có vài tên gọi vắn tắt: "Lục Tổ Đàn Kinh," "Đàn Kinh," hoặc "Pháp Bảo Đàn Kinh," gồm những lời thuyết giảng của Huệ Năng, vị tổ sư thứ sáu của phái Thiền tông ở Trung Hoa, do đệ tử của Huệ Năng là Pháp Hải ghi chép.

Trong sách có ghi lại tuyên ngôn của phái Thiền Nam tông tuyên

bố độc lập với phái Thiền Bắc tông, và bàn về những vấn đề như "đốn ngộ" (giác ngộ tức thời) và sự biểu hiện bên ngoài của bản tánh, gọi là "kiến tánh."

---o0o---

87. Tín Tâm Minh

1 quyển
Do Tăng Sán (Seng-ts'an) viết
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2010

Sách này do Tăng Sán, vị tổ sư thứ ba của Thiền Tông Trung Hoa biên soạn, nói về trạng thái tối cao của Thiền. Đây là một tác phẩm ngắn, chỉ gồm có 146 dòng, mỗi dòng là một thi kệ 4 chữ (tứ ngôn nhất cú), tổng cộng là 584 chữ Hán. Nội dung nói rằng chân lý tối thượng của Thiền cũng giống như an trụ trong trạng thái bình đẳng và tự do tuyệt đối, không vướng mắc vào những thứ như: khác biệt và mâu thuẫn, đúng và sai, còn và mất.

Những câu thi kệ này từ xưa tới nay được rất nhiều thiền tăng học thuộc lòng và tụng niệm; và nhờ sự phát triển của Thiền tông trong hàng chục thế kỷ qua, chúng đã ăn sâu và bắt rễ vào đời sống của các Thiền viện.

---o0o---

88. Hoàng Bá Sơn Đoạn Tế Thiền Sư Truyền Tâm Pháp Yếu

1 quyển
Do Bùi Hưu (Fei-hsiu) thu thập
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2012-A

Sách này ghi lại những lời giảng của Hoàng Bá Hi Vận (Huang-po Hsi-yun), vị khai tổ của chi phái Hoàng Bá thuộc Thiền tông ở Trung Hoa, và do một đệ tử tại gia của ngài là Bùi Hưu biên chép. Tác phẩm này thường được gọi tên vắn tắt là "Truyền Tâm Pháp Yếu," nội dung nói rất giản lược về bản chất của Thiền.

Hi Vận là thầy của Lâm Tế Nghĩa Huyền, vị khai tổ của phái Lâm

Tế, cho nên cuốn sách ghi lại những lời thuyết giảng của ngài thường được nghiên cứu ở Trung Hoa và Nhật Bổn như là những giáo lý tạo nền tảng cho phái Lâm Tế của Thiền tông.

Chữ "Hoàng Bá Sơn" trong nhan đề là tên của Núi Hoàng Bá, nơi cư trú của Hi Vận, và chữ "Đoạn Tế" là danh hiệu Thiền sư của ngài.

---o0o---

89. Vĩnh Gia Chứng Đạo Ca

1 quyển
Do Huyền Giác (Hsuan-chio) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2014

Tác phẩm này viết bằng thể thơ, kể chuyện rằng dưới sự hướng dẫn của Lục Tổ Huệ Năng, bỗng nhiên trong một đêm mà đệ tử của ngài là Vĩnh Gia Huyền Giác đã khai ngộ được chân lý. Tuy chỉ gồm 247 thi cú với tổng cộng 814 chữ Hán, sách này diễn tả một cách tuyệt đẹp về tinh túy của Thiền; xưa nay nó đã được các thiền tăng tụng đọc, và đặc biệt được phái Tào Động rất coi trọng.

Nhan đề sách này thường được gọi tắt là "Chứng Đạo Ca."

---o0o---

90. Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy

8 quyển
Do Đức Huy (Te-hui) bổ khuyết
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2025

Sách này căn cứ vào những qui tắc và giới luật dành cho các tự viện Thiền tông, do Bách Trượng Hoài Hải soạn ra. Tuy nhiên, đến đời nhà Tống thì bản gốc của cuốn giới luật này, được gọi là "Cổ Thanh Quy," đã bị thất truyền; vì vậy, đến đời nhà Nguyên, do sắc lệnh của hoàng đế, Đông Dương Đức Huy đã sưu tầm và bổ khuyết, kết quả đưa tới cuốn sách này.

Nội dung chứa đựng tất cả những qui tắc và giới luật dành cho các tự viện Thiền tông để tuân theo. Một thí dụ về sự "Trung Hoa hoá"

Phật giáo là những hoạt động thân thể gọi là "đức mục," khi các thiền tăng phải làm việc lao động hàng ngày, và được coi như là một trong những yếu tố căn bản để thực hành Thiền.

Sách này cũng đã tạo ảnh hưởng quan trọng ở Trung Hoa khi Lão Giáo cũng đặt ra những quy luật tương tự.

---o0o---

91. Di Bộ Tông Luân Luận

Samayabhedo

1 quyển

Do Thế Hữu (Vasumitra) soạn

Do Huyền Trang (Hsuan-tsang) dịch

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2031

Sách này thuật lại thời kỳ "Phân Rẽ Căn Bản" của Phật giáo thành hai phái Thượng Tọa Bộ (Therevada) và Đại Chúng Bộ, xảy ra hơn 100 năm sau khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhập diệt; và sau đó phái Thượng Tọa Bộ lại còn phân chia thành 20 bộ phái khác nhau. Sách này được viết từ lập trường của những người thuộc phái "Nhất Thiết Hữu Bộ" (Sarvastivadin), nhưng nó cũng mô tả chi tiết về những đặc tính giáo lý của các tông phái khác.

Vì vậy sách này không những rất cần thiết để nghiên cứu về lịch sử của sự phân rẽ tông phái trong Phật giáo mà còn là một nguồn tài liệu vô giá để giải thích về những giáo lý của các bộ phái ngoài phái Nhất Thiết Hữu Bộ – khi người ta thấy rằng đa số những kinh điển còn tồn tại tới nay đều thuộc phái này.

---o0o---

92. A Dục Vương Kinh

Asokaràja-sùtra

10 quyển

Do Tăng Già Bà La (Sanghabhara)

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2043

Đây là tiểu sử của Vua A Dục (Asoka), vị vua thứ ba của triều đại Ma La Ni Da (Mauryan), xứ Ma Kiệt Đà (Magadha) miền trung Ấn Độ, vào thế kỷ thứ ba trước Tây lịch. Sách kể chuyện Vua A Dục là người đầu tiên đã thống nhất nước Ấn Độ, và sau khi quy y Phật giáo ông đã phái các sứ giả đi khắp nơi trong nước để truyền bá đạo Phật.

Còn có một bản tiểu sử bằng chữ Hán tương tự như cuốn này, nhan đề là "A Dục Vương Truyện" (Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2042). Vì nội dung hai cuốn gần giống nhau, cho nên người ta tin rằng chúng đã được dịch ra từ cùng một nguyên bản.

---o0o---

93. Mã Minh Bồ Tát Truyện

1 quyển
Do Cưu Ma La Thập (Kumarajiva) dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2046

Đây là cuốn tiểu sử của Bồ Tát Mã Minh (Asvaghosa) (sinh vào cuối thế kỷ thứ nhất sau Tây lịch). Còn có nhiều sách khác nói về cuộc đời ngài Mã Minh, nhưng chúng không nhất trí về nội dung, về các thời điểm niên lịch và về các địa danh. Trong cuốn sách này cũng có nhiều nghi vấn, nhưng dù sao nó vẫn là một bản tiểu sử rất có quan trọng về vị Bồ Tát "học giả thi sĩ" Mã Minh.

---o0o---

94. Long Thọ Bồ Tát Truyện

1 quyển
Do Cưu Ma La Thập (Kumarajiva) dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2047

Long Thọ Bồ Tát Truyện là cuốn tiểu sử của Bồ Tát Long Thọ (Nagarjuna) – ngài sống trong khoảng thời gian từ 150 tới 250 sau Tây lịch – một người được tất cả các tông phái Phật giáo Nhật Bổn sùng bái.

Theo các học giả, cuốn tiểu sử này chỉ là một văn bản được viết lại từ một đoạn nói về Long Thọ trong cuốn "Phú Pháp Tạng Nhân Duyên Truyện" (Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2058), một cuốn sách

gồm tiểu sử của 28 vị cao tăng đã có công truyền bá Phật giáo sau khi Đức Phật Thích Ca nhập diệt.

Nhưng, nếu xét sự kiện rằng sách này là do Cưu Ma La Thập dịch sang Hán văn thì có thể nguyên bản là một cuốn sách riêng biệt.

---o0o---

95. Bà Tẩu Bàn Đậu Pháp Sư Truyện

1 quyển
Do Chân Đế (Paramartha) dịch
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2049

Bà Tẩu Bàn Đậu là phiên âm sang chữ Hán từ chữ Phạn của Vasubandhu, tên này trước đây được dịch sang chữ Hán là "Thiên Thân," nhưng về sau này được dịch là "Thế Thân" và chữ này được dùng cho tới nay. Thế Thân là một học giả tăng sĩ được coi là xây dựng nền móng cho phái Du Già (Yogacara) của Phật giáo Đại Thừa. Ngài đã từng được nói tới trong nhiều cuốn sách, nhưng đây là cuốn tiểu sử riêng biệt duy nhất viết về ngài, và nó đã được gọi bằng vài tên khác nhau: "Thế Thân Truyện," "Thiên Thân Truyện," và "Bà Tẩu Bàn Đậu Truyện."

---o0o---

96. Đại Đường Đại Từ Ân Tự Tam Tạng Pháp Sư Truyện

10 quyển
Do Huệ Lập (Hui-li) soạn
và do Nhan Tôn (Yen-ts'ang) bổ khuyết
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2053

Sách này cũng được gọi vắn tắt là "Từ Ân Tự Tam Tạng Pháp Sư Truyện," là tiểu sử của ngài Huyền Trang (Hsuan-tsang), tác giả của "Đại Đường Tây Vực Ký" (số 100). Sách này bắt đầu với sự chào đời của pháp sư Huyền Trang, rồi mô tả cuộc hành trình của ngài kéo dài hơn 10 năm đi từ Trung Hoa sang Ấn Độ để suy tìm thành quả của ngài sau khi trở về Trung Hoa. Vì vậy, đây là một bản tường thuật tiểu sử đầy đủ.

Trong khi cuốn "Đại Đường Tây Vực Ký" được viết căn cứ vào những quan sát tận mắt, chẳng hạn như những đặc điểm về địa lý trên đường đi, v.v... cuốn "Từ Ân Tự Tam Tạng Pháp Sư Truyện" này tập trung vào những chuyện trọng yếu trong cuộc hành trình.

Cũng nên nói thêm rằng bộ tiểu thuyết "Tây Du Ký" được viết vào đời nhà Minh là mô phỏng theo cuốn sách này.

Chữ "Hoàng Bá Sơn" trong nhan đề là tên của Núi Hoàng Bá, nơi cư trú của Hi Vận, và chữ "Đoạn Tế" là danh hiệu Thiền sư của ngài.

---o0o---

97. Cao Tăng Truyện

14 quyển
Do Huệ Giao (Hui-chio) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2059

Cuốn "Cao Tăng Truyện" còn có tên là "Lương Cao Tăng Truyện," ghi chép tiểu sử của một số vị cao tăng Trung Hoa nổi danh sống trong một thời kỳ 453 năm, từ năm 67 sau Tây lịch – là thời điểm được coi như Phật giáo bắt đầu du nhập vào Trung Hoa – tới năm 519. Sách này bao gồm tiểu sử đầy đủ của 257 cao tăng, cùng với tiểu sử tóm tắt của 243 cao tăng khác.

Thông thường, những sách tiểu sử nói về các cao tăng đều được gọi là "Cao Tăng Truyện," và đây là cuốn sách xưa nhất thuộc loại này. Sách này được chia thành 16 phần, tuỳ theo những thành tích của các vị cao tăng được kể tiểu sử ở đây.

---o0o---

98. Tỳ Kheo Ni Truyện

4 quyển
Do Bảo Xướng (pao-ch'ang) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2063

Sách "Tỳ Kheo Ni Truyện" gồm tiểu sử của 65 vị ni sư người Trung Hoa, sống trong thời gian khoảng 160 năm, từ đời Đông Tấn tới đời nhà Lương. Bài tựa của cuốn sách này nói rằng thời trước người ta gặp nhiều vị ni sư đạo hạnh, nhưng tới đời nhà Lương, khi cuốn sách này được soạn, thì người thấy rất ít ni sư tu trì theo những giới luật tu viện. Vì vậy soạn giả sách này thu thập những tài liệu và những lời kể lại của các bậc trưởng thượng để viết thành sách, để cung cấp những tấm gương cho các tỳ kheo ni đời sau noi theo.

---o0o---

99. Cao Tăng Pháp Hiển Truyện

1 quyển
Do Pháp Hiển (Pha-hsien) ghi chép
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2085

Cuốn "Cao Tăng Pháp Hiển Truyện" là tiểu sử của Pháp Hiển do chính ngài ghi chép lại những cuộc du hành ở Ấn Độ, còn được gọi tên là "Phật Quốc Ký" và "Lịch Du Thiên Trúc Ký Truyện" (Ký Sự về Những Cuộc Du Hành ở Ấn Độ).

Pháp Hiển bắt đầu du hành vào năm 399 sau Tây lịch để đi tìm Đạo Pháp. Ngài đi qua Trung Á (người Trung Hoa gọi là "Tây Vực") và tới Tây Bắc Ấn Độ, từ đó ngài tới vùng Trung Ấn, thăm viếng các chùa chiền trên lộ trình. Rồi ngài đi hành hương tới nhiều nơi mang những dấu tích của Đức Phật Thích Ca, đồng thời học những kinh sách và quy luật của các tu viện Phật giáo, và sao chép nhiều kinh sách. Từ Ấn Độ ngài vượt biển sang Tích Lan, rồi trở về Trung Hoa bằng đường biển, về tới Trung Hoa vào năm 412. Cuốn sách này thuật lại những chuyện tai nghe mắt thấy và những kinh nghiệm trải qua trong cuộc hành trình.

Đây là nguồn tư liệu quý báu về Phật giáo và văn hóa Phật giáo Ấn Độ và vùng Trung Á vào đầu thế kỷ thứ 5, và là bản ký sự lâu đời nhất của một vị cao tăng Phật giáo viết về những cuộc du hành của ngài ở Ấn Độ.

---o0o---

100. Đại Đường Tây Vực Ký

12 quyển
Do Huyền Trang ghi lại
và do Biện Cơ (Pien-chi) soạn
ại Chánh Đại Tạng Kinh số 2087

Tác phẩm này thường được gọi là "Tây Vực Ký," thuật lại những cuộc hành trình của Huyền Trang ở Trung Á và Ấn Độ từ năm 627, khi ngài khởi hành từ Trung Hoa, cho tới khi ngài trở về vào năm 645. Sách này đệ tử của Huyền Trang là Biện Cư viết lại, căn cứ vào những lời ghi chép trong những cuộc hành trình của ngài. Nội dung nói về những vấn đề như tình trạng Phật giáo đương thời, và về địa dư, phong tục, công nghiệp và chính trị của 110 quốc gia mà Huyền Trang đã đi qua và 28 quốc gia mà ngài đã được nghe người khác thuật lại.

Vì vậy, đây là một tài liệu lịch sử quý giá, ghi rõ những khoảng cách, phương hướng và ngôn ngữ địa phương. Sách này có thể dùng làm tài liệu về khảo cổ và về những cuộc hành trình thời xưa.

---o0o---

101. Đường Đại Hòa Thượng Đông Chinh Truyện

1 quyển
Do Nguyên Khai (Yaun-k'ai) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2089

Nhan đề sách có nghĩa là "Truyện Về Chuyến Đi Miền Đông của Vị Đại Hòa Thượng Đời Đường," hòa thượng này là Giám Chân (Chien-Chen) Hòa Thượng, vị cao tăng Trung Hoa đời nhà Đường đã có công truyền bá toàn bộ giới luật của tự viện Phật giáo vào Nhật Bổn ở thời đại Nại Lương (Nara). Sách này chia làm ba phần. Phần thứ nhất gồm thời kỳ từ lúc Giám Chân bắt đầu tiếp xúc với Phật giáo cho tới khi ngài gặp gỡ hai tăng sĩ Nhật Bổn tới Trung Hoa du học. Phần thứ nhì thuật lại về 6 lần ngài cố gắng vượt biển sang Nhật Bổn. Và phần thứ ba tóm lược về những chuyện sau khi ngài tới Nhật cho tới khi ngài viên tịch.

Quan trọng nhất là phần thứ nhì, mô tả chi tiết về những gian nan mà Giám Chân và phái đoàn của ngài đã phải trải qua trước khi có thể đặt chân lên Nhật Bổn. Toàn thể tác phẩm là một sử liệu quan trọng nói rõ về một giai đoạn truyền bá Phật giáo sang Nhật Bổn.

---o0o---

102. Hoằng Minh Tập

1 quyển
Do Tăng Hựu (Seng-huu) thu thập
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2102

Chữ "Hoằng Minh" trong nhan đề là tóm tắt những chữ "hoằng đạo minh giáo" (có nghĩa là "truyền bá đạo và làm sáng tỏ giáo lý"). Sách này do Tăng Hựu đời nhà Lương soạn, là một tuyển tập gồm những nhà luận thuyết về Phật giáo mà ngài cho rằng hữu ích và được viết trong thời kỳ 500 năm trước. Mười một quyển đầu – bao gồm những câu trả lời của các Phật tử đối với những lời phê phán của Nho giáo và Lão giáo, minh xác về những tương đồng và dị biệt giữa những giáo lý của Phật giáo, Nho giáo và Lão giáo; trong khi ba quyển cuối cùng gồm những bài luận thuyết bàn trực tiếp về giáo lý Phật giáo.

Toàn bộ sách này được viết bằng thể văn dễ hiểu đối với một độc giả trung bình; do đó nó là một nguồn tư liệu trọng yếu về tình hình của Phật giáo đương thời.

---o0o---

103. Phá Uyển Châu Lâm

100 quyển
Do Đạo Thế (Tao-shih) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2122

Nói theo ngôn ngữ hiện đại thì đây là một bộ tự điển bách khoa về Phật giáo. Nội dung bao gồm từng tiết mục giải thích về giáo lý, những thuật ngữ và những khái niệm của Phật giáo; đồng thời cũng bao gồm nhiều trích dẫn từ những kinh điển. Trong số những trích dẫn đó có nhiều đoạn mà nguyên bản ngày nay đã bị thất lạc, vì vậy đây là một

nguồn tài liệu quí giá. Ngoài ra, những trích dẫn đó được phân loại tùy theo nội dung của chúng; do đó rất tiện để tham khảo, cho nên sách này từ trước đến nay đã được nhiều học giả dùng tới.

Toàn bộ được phân chia thành 100 quyển và nội dung lại được phân loại thành 668 tiểu mục.

---o0o---

104. Nam Hải Ký Qui Nội Pháp Truyện

4 quyển
Do Nghĩa Tịnh (I-ching) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2125

Nhan đề chính thức của sách này là "Đại Đường Nam Hải Ký Qui Nội Pháp Truyện" – có nghĩa là nói về những thực hành Phật giáo trong vùng Nam Hải (ngày nay là quần đảo Nam Dương và Mã Lai) vào thời Đại Đường – thường được gọi tắt là "Nam Hải Ký Qui Truyện."

Nghĩa Tịnh xuất phát từ Trung Quốc năm 671 để tới Ấn Độ và vùng Đông Nam Á, và sách này ghi chép tỉ mỉ mhững quan sát của ngài về những giới luật và sinh hoạt trong các ngôi chùa mà ngài đã tới viếng. Sau khi viết tại chỗ, ngài sai người đem tài liệu về Trung Quốc để giúp cho các tăng sĩ Trung Hoa biết rõ về những giới luật nghiêm khắc của các tăng sĩ ở Ấn Độ và các nước láng giềng, để có thể phản tỉnh về những giới luật tu hành của chính họ.

Vì vậy, đây là một nguồn tư liệu quí giá về cách tổ chức của Phật giáo trong các nước đó và những giới luật tu hành đương thời.

---o0o---

105. Phạn Ngữ Tạp Danh

1 quyển
Do lễ Ngôn (Li-yen) thu thập
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2135

Sách này thu thập những chữ Phạn và có thể coi như là một cuốn tự điển Phạn-Hán, bao gồm 1,205 chữ Hán thường dùng hàng ngày và những chữ Phạn tương đương với chúng. Những chữ ghi trong sách

này được sắp xếp tùy theo ý nghĩa, do đó đây là một sách tham khảo rất tiện dụng đối với những người bắt đầu học chữ Phạn. Những chữ Phạn dùng để phiên dịch từ chữ Hán lại được chỉ dẫn bằng cả chữ Hán và mẫu tự chữ Phạn; vì vậy đây là một tài liệu quan trọng để đánh giá tiêu chuẩn của việc nghiên cứu chữ Phạn ở Trung Hoa vào thời đó.

-- o0o ---

PHẦN III - KINH ĐIỂN NHẬT BỔN

106. Thắng Man Kinh Nghĩa Sớ

1 quyển
Do Thái tử Thánh Đức (Shokotu) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2185

Đây là sách chú giải về cuốn "Thắng Man Kinh" (Srimala-sutra) (số 16), và cuốn được coi là tác phẩm sớm nhất trong số ba cuốn "Tam Kinh Nghĩa Sớ" do Thái Tử Thánh Đức biên soạn.

Cuốn biên niên sử "Nhật Bổn Thư Ký" nói rằng Thái Tử Thánh Đức đã thuyết giảng về Thắng Man Kinh cho Nữ Thiên Hoàng Thôi Cổ (Suiko) nghe. Người ta cho rằng Thái Tử Thánh Đức đã chọn cuốn kinh này là vì nhân vật chính trong Thắng Man Kinh là một phụ nữ – tức là bà Thắng Man (Srimala) – trong khi bà Thôi Cổ là vị thiên hoàng đầu tiên trong lịch sử Nhật Bổn. Về sau, những lời thuyết giảng của Thái Tử Thánh Đức được thu thập lại thành cuốn sách này.

Dù sao chăng nữa, đây là tác phẩm đầu tiên do một người Nhật viết.

---o0o---

107. Duy Ma Kinh Nghĩa Sớ

5 quyển
Do Thái Tử Thánh Đức soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2186

Đây là sách chú giải về cuốn "Duy Ma Kinh" (Vimalakirtirdesa-sutra) (số 27), và là một trong ba cuốn "Tam Kinh Nghĩa Sớ" do Thái Tử Thánh Đức biên soạn. Người ta cho rằng một trong những lý do quan

trọng để chú giải là vì nhân vật chính Duy Ma (Vilamakirti) không phải là một tỳ kheo xuất gia là một bồ tát tại gia, tương tự như trường hợp của chính Thái Tử.

Trước đây có những nghi vấn về chuyện có phải sách này thực sự do Thái Tử Thánh Đức soạn hay không. Tuy nhiên, ngày nay cũng không có chứng cớ xác thực nào cho thấy sách này do ai khác viết ra chứ không phải do tác giả của hai cuốn khác trong "Tam Kinh Nghĩa Sớ" viết. Vì vậy, điều hợp lý nhất là có thể tin rằng Thái tử Thánh Đức là tác giả cả ba cuốn đó.

---o0o---

108. Pháp Hoa Nghĩa Sớ

4 quyển
Do Thái Tử Thánh Đức soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2187

Đây là sách chú giải về "Diệu Pháp Liên Hoa Kinh" (số 12), và là một trong ba cuốn "Tam Kinh Nghĩa Sớ" do Thái Tử Thánh Đức biên soạn. Tuy tác giả có tham khảo những lời chú giải Hán văn về Pháp Hoa Kinh, nhưng trong sách này rõ ràng là có những ý kiến riêng của chính ông. Vì vậy có thể coi rằng đây là cuốn sách giải thích về tư tưởng Phật giáo đầu tiên do một người Nhật viết.

Đặc biệt là sự đánh giá của tác giả đối với nội dung của Pháp Hoa Kinh như là "Nhất Đại Thừa" đã tạo ảnh hưởng sâu rộng đối với Phật giáo Nhật Bổn sau này. Thật sự trong lịch sử Phật giáo Nhật Bổn, Pháp Hoa Kinh đã được coi là một trong những kinh điển quan trọng nhất.

---o0o---

109. Bát Nhã Tâm Kinh Bí Kiện

1 quyển
Do Không Hải (Kukai) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2203-A

Ngày nay cuốn "Bát Nhã Tâm Kinh" (gọi tắt là "Tâm Kinh") vẫn còn được nhiều tông phái Phật giáo Nhật Bổn sử dụng, và trong những thế

kỷ qua nó đã được nhiều người viết chú giải. Nhưng đặc điểm của cuốn này – nhan đề có nghĩa là "bí kíp khai mở Bát Nhã Tâm Kinh" – được viết từ lập trường của phái Chân Ngôn (Shingon) của Phật Giáo, và nó xác định rằng Tâm Kinh đích thực là một kinh điển Mật giáo.

Đầu tiên, Không Hải bàn về đại ý, nhan đề và những bản dịch khác nhau của cuốn kinh này từ lập trường của Mật giáo, kế đó ngài phân chia nó thành 5 phần và giải thích về mỗi phần. Theo như lời ghi chú ở cuối sách thì cuốn sách chú giải này được viết do lệnh của thiên hoàng đương thời khi nước Nhật đang bị bệnh dịch hoành hành.

---o0o---

110. Đại Thừa Pháp Tướng Nghiên Thần Chương

5 quyển
Do Hộ Mạng (Gomyo) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2309

Năm 830, Thiên Hoàng Thuần Hòa (Junna) ra lệnh cho mỗi tông phái Phật giáo đệ trình cho ông một bản luận thuyết trình bày sơ lược về những điều cốt yếu trong giáo lý của họ. Sáu tác phẩm trình lên cho vị thiên hoàng được gọi chung là "Thiên Trường Lục Bổn Tông Thơ," và đây là một trong những cuốn sách đó, do tông phái Pháp Tướng trình bày.

Tác giả Hộ Mạng là học giả Phật giáo nổi tiếng nhất vào đầu Thời Đại Bình An (Heian) ở Nhật và ông viết rất nhiều sách, nhưng tác phẩm còn sót lại của ông chỉ còn cuốn này. Tác phẩm này quan trọng không những vì nó là một trong "Lục Bổn Tông Thơ" mà còn vì giá trị của nó để dùng làm tài liệu nghiên cứu về tư tưởng của phái Duy Thức Nhật Bổn.

---o0o---

111. Quán Tâm Giác Mộng Sao

3 quyển
Do Lương Biến (Ryohen) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2312

Chữ “Quán Tâm” (quan sát cái tâm) trong nhan đề muốn nói rằng không có hiện tượng ngoại tại nào tồn hữu một cách độc lập đối với tâm trí con người, và “Giác Mộng” (thức dậy từ giấc mộng) ngụ ý dùng trí tuệ quán sát để tỉnh dậy từ giấc mộng của sự tồn hữu mê muội để giác ngộ chân lý.

Nói cách khác, sách này trình bày một sự dung hòa giữa tư tưởng của phái Duy Thức với Phật giáo Đại Thừa, từ lập trường của phái Duy Thức, được viết ra để đối kháng với trường phái “Tân Phật Giáo” trong thời đại Liêm Thương (Kamakura) ở Nhật Bổn. Vì vậy sách này có thể được coi như một kinh điển nhập môn về tư tưởng của phái Duy Thức.

Tác giả Lương Biến là người thông đạt tư tưởng của các phái Hoa Nghiêm Tông, Luật Tông và Tịnh Độ Tông, cho nên những lý luận trong sách này đôi khi có vẻ thiếu chính thống đối với phái Duy Thức.

---o0o---

112. Luật Tông Cương Yếu

2 quyển
Do Ngưng Nhiên (Gyomen) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2348

Tác giả sách này còn có một cuốn khác nhan đề là “Bát Tông Cương Yếu” (số 136), trong đó nói đại cương về 6 tông phái Phật giáo Nhật Bổn trong thời đại Nại Lương (Nara) và 2 tông phái trong thời đại Bình An (Heina). Trong khi cuốn “Luật Tông Cương Yếu” này chỉ bàn về phái Luật Tông (Risshu), và nói chi tiết về những giáo lý và lịch sử của phái này.

Tác giả thuyết minh về địa vị của giới luật trong việc tu hành Phật giáo, và dùng những từ ngữ cụ thể và lập trường của một người tu hành để bàn về nhiều hình thức giới luật, từ những giới luật của phái Nguyên Thủy cho tới phái Đại Thừa, và nói về sự lưu truyền của từng điều khoản trong bộ giới luật về tu hành, từ Ấn Độ truyền qua Trung Hoa rồi truyền tới Nhật Bổn, đồng thời nói về những thay đổi từ xưa cho tới thời của tác giả.

---o0o---

113. Thiên Thai Pháp Hoa Tông Nghĩa Tập

1 quyển
Do Nghĩa Chân (Gishin) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2366

Vào đầu Thời Đại Bình An (khoảng năm 830), Thiên Hoàng Thuần Hòa (Junna) ban sắc lệnh cho mỗi tông phái Phật giáo đệ trình cho ông một cuốn luận thuyết nói đại cương về những giáo lý chính yếu của họ. Những sách đó đã được gọi chung là "Lục Bổn Tông Thơ," và cuốn "Thiên Thai Pháp Hoa Tông Nghĩa Tập" này nằm trong số đó. Tác phẩm này – thường được gọi tắt là "Thiên Thai Tông Nghĩa Tập" – nói sơ lược về những giáo nghĩa của tông phái Thiên Thai.

Nội dung sách này giải thích ngắn gọn và rõ ràng về đa số những giáo nghĩa chính yếu của phái Thiên Thai, vì vậy nó rất tiện để độc giả làm quen với những giáo nghĩa của phái này.

---o0o---

114. Hiển Giới Luận

3 quyển
Do Tối Trừng (Saicho) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2376

Tác giả Tối Trừng cực lực chống đối giới luật tu hành của phái Tiểu Thừa (Hinayàna) và ông chủ trương rằng nên theo giới luật của phái Đại Thừa (Mahàyanà). Để hỗ trợ những ý kiến của mình, ông đã trình lên triều đình Nhật cuốn sách "Sơn Gia Học Sinh Thức" (số 115), gồm ba phần, và nói về những qui luật của giới tăng sĩ thuộc phái Thiên Thai. Nhưng vì bị 6 tông phái Phật giáo thời Nại Lương chống đối mạnh mẽ, cho nên Tối Trừng không nhận được sự ủng hộ của triều đình đối với những pháp qui đó, vì thế ông đã viết cuốn sách này để phản công lại những lý luận của các tông phái thời Nại Lương chống đối bốn điều khoản trong phần thứ ba của cuốn "Sơn Gia Học Sinh Thức."

---o0o---

115. Sơn Gia Học Sinh Thức

1 quyển
Do Tối Trừng (Saicho) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2377

Sách này bao gồm những qui tắc do Tối Trừng, người sáng lập tông phái Thiên Thai ở Nhật Bổn, đặt ra cho các tăng-học-sinh trẻ tuổi tu tập trong các tự viện của phái này tuân thủ.

Đoạn thứ nhứt gồm 6 đề mục và liệt kê những qui luật dành cho hai tăng-học mà triều đình mỗi năm tiến cử họ đi học với phái Thiên Thai. Đoạn thứ nhì gồm 8 đề mục, trong đó giải thích rõ chi tiết về những qui luật này; và đoạn thứ ba gồm 4 đề mục, bàn về những giới luật của Tiểu Thừa và Đại Thừa. Tất cả ba nhóm qui luật nói trên được gọi chung là "Sơn Gia Học Sinh Thức" (có nghĩa là "những qui luật dành cho các học sinh tại trường trên núi")

Vào thời của Tối Trừng, các tăng sĩ cần phải qui theo những giới luật của Tiển Thừa thì mới được triều đình chính thức nhìn nhận là tăng sĩ. Tối Trừng phản đối điều này, và ông đề xướng hãy thay thế bằng những giới luật Đại Thừa căn cứ vào "Phạm Võng Kinh" (số 46).

Sách này ghi lại ba thỉnh nguyện thư mà Tối Trừng đệ trình lên triều đình để xin chấp thuận những giới luật Đại Thừa.

---o0o---

116. Bí Tàng Bảo Thược

3 quyển
Do Không Hải (Kukai) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2426

Vào đầu thời đại Bình An (khoảng năm 830) Thiên Hoàng Thuần Hòa ra lệnh cho đại biểu của mỗi tông phái Phật giáo hãy dâng lên cho ông một bản luận thuyết trong đó tóm lược những giáo nghĩa của tông phái họ. Trong số 6 bản luận thuyết trình lên thiên hoàng có "Thập Trụ Tâm Luận" (Luận Về 10 Cấp Bậc Của Tâm) (thập trú tâm giáo án) (Đại Chánh Đại Tạng số 2425) do Không Hải viết, phái Chân Ngôn (Shingon). Tuy nhiên, bộ sách này quá đồ sộ so với những bản luận thuyết của các tông phái khác dâng lên thiên hoàng, vì vậy Không Hải

được yêu cầu hãy trình lên một bản luận thuyết giản lược hơn. Kết quả đưa tới tác phẩm "Bí Tàng Bảo Thược" này (nhan đề có nghĩa là "chìa khóa quí báu mở vào kho tàng bí mật").

Phương pháp của Không Hải để làm sáng tỏ lập trường của phái Chân Ngôn là thiết lập một hệ thống phê bình gồm "10 cấp bậc của tâm," (thập trú tâm giáo phán) không những bàn về những tông phái Phật giáo khác nhau mà còn bàn cả tới những tôn giáo khác ở Ấn Độ và Trung Hoa; và tác giả xếp hạng phái Chân Ngôn ở cấp bậc cao nhất trong tất cả các tông phái.

---o0o---

117. Biện Hiển Mật Nhị Giáo Luận

2 quyển
Do Không Hải soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2427

Nhan đề có nghĩa là "luận về những khác biệt giữa hai giáo lý hiển giáo và mật giáo (của đạo Phật)" và thường được gọi tắt là "Nhị Giáo Luận." Như nhan đề đã ngụ ý, nội dung là sự so sánh những khác biệt về phẩm chất giữa hai phái "Hiển Giáo" và "Mật Giáo." Không Hải kết luận rằng giáo nghĩa của Mật Giáo cao siêu hơn.

Những điểm bàn luận trong sách này là: Các vị Phật đã biểu hiện hai loại giáo nghĩa nội dung của các giáo nghĩa, thời gian cần thiết để thành Phật, và những lợi ích từ hai giáo lý khác nhau. Qua những lời trích dẫn từ nhiều kinh điển. Không Hải chứng minh rằng Mật Giáo siêu việt hơn Hiển Giáo trong tất cả những điểm nêu trên.

---o0o---

118. Tức Thân Thành Phật Nghĩa

1 quyển
Do Không Hải soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2428

Trước thời của Không Hải, Phật giáo Nhật Bổn cho rằng người ta có thể trở thành Phật sau khi đã trải qua một thời gian rất dài, với nhiều kiếp luân hồi sinh tử; người Nhật gọi điều đó là "tam kiếp thành Phật" (ba kiếp thành Phật). Nhưng trong sách này Không Hải nêu ra ý kiến rằng người ta có thể trở thành Phật ngay trong nhục thân này, nghĩa là "tức thân thành Phật." Vì vậy, tác phẩm của ông minh xác lập trường của phái Chân Ngôn chủ trương rằng việc tu hành có thể dẫn tới "tức thân thành Phật."

Khi xét tới sự kiện cuốn luận thuyết "Tức Thân Thành Phật Nghĩa" của Không Hải đã tạo ảnh hưởng quan trọng đối với Phật giáo Nhật Bổn về sau này, người ta có thể nói rằng nó là một tác phẩm hết sức trọng yếu về mặt triết lý.

---o0o---

119. Thanh Tự Thực Tướng Nghĩa

1 quyển
Do Không Hải (Kukai) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2429

Trong giáo lý của phái Chân Ngôn có thuyết cho rằng những hành vi của thân thể, của ngôn ngữ, và của ý thức nhân loại, trên bản chất thì tương ứng với những hành vi của một vị Phật. Do đó ba loại hành vi này được gọi là "thân mật," "khẩu mật," "ý mật," và chúng được gọi chung là "tam mật." Cuốn "Thanh Tự Thực Tướng Nghĩa" (Ý Nghĩa của Âm Thanh, Chữ và Thực Thể) này nói về "bí mật của ngôn ngữ."

Trích dẫn từ cuốn "Đại Nhựt Kinh" (mahavairocana-sutra) (số 39), Không Hải nói rằng "thanh" và "từ" trong thực chất là những biểu hiện của đức tánh Đại Nhựt Như Lai (Mahavairocana), và Đại Nhựt Như Lai chính là hiện thân của chân lý; vì vậy những ngôn (hay "chú ngữ" - mantras) thực sự là những biểu hiện của chân lý. Sự thật là danh hiệu của phái Chân Ngôn (Shingon) rút ra từ quan điểm cho rằng từ ngữ chính là chân lý.

---o0o---

120. Nghĩa Chữ "Hùm"

1 quyển
Do Không Hải (Kukai) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2430

Chữ " " là phiên âm theo Hán tự của chữ "Hum" trong Phạn ngữ, đây là chữ cuối cùng trong các chữ của Phạn ngữ, trái ngược với chữ "a" là chữ cái đầu tiên.

Cuốn này nhan đề là "Nghĩa Chữ 'Hum'," bàn về những ý nghĩa phiến diện và ý nghĩa thâm sâu của chữ đó, và sách này được coi là kinh điển mà tín đồ của phái Chân Ngôn cần phải đọc.

Những ý nghĩa phiến diện của chữ "hùm" được bàn từ lập trường của Hiển Giáo, trong khi ý nghĩa thâm sâu của chữ này được bàn từ quan điểm của Mật Giáo.

---o0o---

121. Ngũ Luân Cửu Tự Minh Bí Mật Thích

1 quyển
Do Giác Hoàn (Kukuhan) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2514

Vào cuối Thời Đại Bình An (Heian), là thời của tác giả sách "Ngũ Luân Cửu Tự Minh Bí Mật Thích" (nghĩa là "cách giải thích bí mật về năm bánh xe và chú ngữ chín chữ"), ở Nhật Bổn ngày càng nhiều người tin thuyết vãng sanh vào cõi Tây phương cực lạc. Trong sách này tác giả dùng lập trường của Mật Giáo để nói rằng Đại Nhựt Như Lai (Mahavaicorana) và Phật A Di Đà thật sự chỉ là một, rằng Mật Nghiêm Tịnh Độ (Ghanavyuha) của Đại Nhựt Như Lai và Tây phương cực lạc của Phật A Di Đà cũng cùng là một nơi, và rằng được tái sanh ở Tây phương cực lạc cũng giống như đạt tới phật vị.

Chữ "Ngũ Luân" trong nhan đề là nói về năm nguyên tố của tất cả những hiện tượng nơi trần thế, gồm "thổ, thủy, hỏa, phong, và không" (đất, nước, lửa, gió và không khí); và chữ "Cửu Tự" là chú ngữ (mantra) của Phật A Di Đà, là chữ Phạn gồm 9 vần. Tác giả muốn nói rằng, vì ngũ luân và chính chữ này là giống hệt nhau, cho nên Đại Nhựt Như Lai và Phật A Di Đà cũng hoàn toàn giống nhau.

Sách này được coi là trọng yếu vì nó trình bày quan điểm của Mật Giáo đối với Phật A Di Đà và cảnh giới Tây phương cực lạc.

---o0o---

122. Mật Nghiêm Viện Phát Lộ Sám Hối Văn

1 quyển
Do Giác Hoàn (Kakuhan) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2537

Giác Hoàn, tác giả sách này và là người sáng lập chi nhánh "Tân Nghĩa" của phái Chân Ngôn, đã từ quan năm 41 tuổi, tự giam mình trong một gian phòng tại Chùa Mật Nghiêm để im lặng tham thiền suốt 1,500 ngày. Sách này được viết trong thời kỳ đó bằng thể thơ, gồm 44 câu thất ngôn.

Có thể nói rằng hành vi này là để bày tỏ sự "sám hối tuyệt đối," trong đó tác giả sám hối về ác nghiệp không những của chính mình mà cả tới những ác nghiệp của người khác. Giác Hoàn buồn lòng về những hành vi thiếu đạo đức của các tăng sĩ đương thời, cho nên có lẽ ông muốn hành trình như vậy để cảnh tỉnh những người trong giới Phật giáo.

Cho tới ngày nay các tăng sĩ thuộc những giáo phái bắt nguồn từ phái Tân Nghĩa vẫn tụng đọc kinh sách này ít nhất một lần mỗi ngày.

---o0o---

123. Hưng Thiền Hộ Quốc Luận

3 quyển
Do Vinh Tây (Eisai) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2543

Nhan đề có nghĩa là "luận về truyền bá Thiền để bảo vệ quốc gia," nội dung chủ trương rằng sự nhìn nhận Thiền như là một tông phái Phật giáo độc lập là điều cần thiết đối với cả Phật giáo lẫn sự thịnh vượng của quốc gia. Tác giả Vinh Tây đã đem giáo lý của phái Lâm Tế từ Trung Hoa truyền vào Nhật Bổn, vì vậy ngài bị phái Thiên Thai và các

phái Phật giáo truyền thống khác của Nhật cực lực công kích. Để trả lời họ, ngài viết tác phẩm này, nhấn mạnh rằng việc truyền bá Thiền chính là để giúp bảo vệ nước Nhật.

Toàn bộ tác phẩm gồm 10 chương, và tác giả trích dẫn những kinh điển Phật giáo để hỗ trợ cho tất cả những luận cứ của ngài. Một bản tiểu sử đơn giản về Vinh Tây do một người khuyết danh viết đã được thêm vào phần tựa của sách này.

---o0o---

124. Phổ Khuyến Tọa Thiền Nghi

1 quyển
Do Đạo Nguyên (Dogen) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2580

Nhan đề có nghĩa là "khuyến khích mọi người tọa thiền," do Đạo Nguyên, vị khai tổ của phái Tào Động (Soto) ở Nhật Bổn, viết vào năm 1227 ngay sau khi ngài trở về Nhật từ Trung Hoa. Nội dung nói rõ về ý nghĩa đích thực của tọa thiền và nhấn mạnh sự quan trọng của việc thực hành môn này.

Đạo Nguyên coi rằng tọa thiền không phải là một phương tiện để khai ngộ kiến tánh mà chính là bao gồm tất cả sự thực hành Phật giáo, và ngài chủ trương rằng việc thực hành tọa thiền tương đương vói chính trạng thái của một vị Phật. Sách này được viết để phổ biến những ý kiến của tác giả về tọa thiền thuần túy, và nó đã trở thành nền móng để thành lập phái Tào Động.

Đây là một tác phẩm ngắn, chỉ gồm có 786 chữ; tuy nhiên, nội dung của nó không phải là dễ lý giải.

---o0o---

125. Chánh Pháp Nhãn Tàng

95 quyển
Do Đạo Nguyên (Dogen) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2582

Nhan đề có nghĩa là "con mắt và kho tàng của đạo pháp chân chánh," là kiệt tác văn chương của Đạo Nguyên, vị khai tổ phái Tào Động của Thiền Tông, và được viết bằng ngôn ngữ Nhật Bổn (thay vì bằng Hán văn cổ điển), nội dung nói về những giáo nghĩa của phái này. Đạo Nguyên đã chủ ý viết một bộ sách gồm 100 quyển, nhưng sau, khi chỉ viết được 95 quyển thì ngài lâm bệnh và viên tịch.

Để làm sáng tỏ lập trường của mình, Đạo Nguyên đã bàn luận tỉ mỉ về những khác biệt giữa những quan điểm của ngài với những quan điểm của các tông phái Phật giáo khác; vì vậy người ta có thể hiểu rõ những tư tưởng của ngài qua tác phẩm này.

Nhan đề "Chánh Pháp Nhãn Tạng" là ý nói những giáo lý chân chánh của Đức Phật Thích Ca trong đời ngài. Trong bộ sách, tất cả những khía cạnh của giáo lý Phật giáo, của các kinh điển, lối sống và tu trì, được trình bày từ lập trường của tác giả.

Bộ sách này được đánh giá rất cao, và được coi là tác phẩm triết học xuất sắc nhất của Nhật Bổn.

---o0o---

126. Tọa Thiền Dụng Tâm Ký

1 quyển
Do Dinh Sơn Chiêu Cẩn (Keizan Jokin) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2586

Nhan đề có nghĩa là "ghi chép những vấn đề cần thận trọng khi tọa thiền," do Dinh Sơn Chiêu Cẩn thuộc phái Tào Động Nhật Bổn soạn – tác giả được vinh danh là "Thái Tổ" của phái này và cũng là người thành lập ngôi chủa Tổng Trì Tự. Nội dung bàn luận về mục đích và ý nghĩa của tọa thiền, và là một Luận điển không thể thiếu đối với tăng sĩ của phái Tào Động.

Sách này nói về những vấn đề hết sức thực tiễn như: sự quan trọng, cần phải ăn uống điều độ để giữ gìn sức khỏe, và cấm mặc y phục quá sang trọng hoặc nhơ bẩn, không nên đam mê những trò chơi như ca vũ nhạc. Ngoài ra, nội dung nói thêm rằng sự tọa thiền thực hành trong phái Tào Động không phải chỉ nằm trong ba điều "giới, định, huệ" mà thật ra còn bao gồm hết thảy ba điều đó.

---o0o---

127. Tuyển Trạch Bản Nguyện Niệm Phật Tập

1 quyển
Do Nguyên Không (Genku) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2608

Sách này thường được gọi tắt là "Tuyển Trạch Tập," là tác phẩm chính yếu của Nguyên Không, vị khai tổ của tông phái Tịnh Độ Nhật Bổn, vì vậy được coi là kinh điển căn bản của phái này.

Sách chia thành 16 chương; nó căn cứ vào những trích dẫn từ ba kinh điển căn bản của phái Tịnh Độ (số 17, 18, 19), và "Quán Kinh Sớ" (số 73) của Thiện Đạo, và nhiều kinh sách liên hệ khác, để thuyết minh rằng hành động niệm Phật sẽ dẫn tới sự tái sanh vào cõi Tịnh Độ.

Vì sách này có những lời phê bình những tông phái Phật giáo truyền thống của Nhật Bổn thành lập vào các thời đại Nại Lương và Bình An, và trình bày lập trường cương yếu của phái Tịnh Độ, cho nên nó bị các tông phái truyền thống đó công kích kịch liệt; và nhiều sách phản bác quan điểm của Nguyên Không đã xuất hiện từ khi ông còn tại thế.

---o0o---

128. Hiển Tịnh Độ Chân Thật Giáo Hành Chứng Văn Loại

6 quyển
Do Thân Loan (Shinran) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2646

Sách này thường được gọt tắt là "Giáo Hành Tín Chứng" (nghĩa là "nói về ngộ"), là tác phẩm chủ yếu của Thân Loan, và cũng là kinh điển căn bản của chi phái Chân Tông thuộc Tịnh Độ Tông.

Đặc điểm của tác phẩm này là chứa đựng nhiều trích dẫn từ những kinh điển Phật giáo để làm sáng tỏ những giáo lý của Chân Tông; đồng thời tác giả cố gắng tránh đưa thêm vào đó những ý kiến riêng của mình. Vì vậy, có thể nói rằng trong sách này Thân Loan nỗ lực hệ

thống hóa tư tưởng của ngài bằng cách trích dẫn từ những kinh điển Phật giáo thời trước.

Điều đáng nói là những câu kệ tụng "Chánh Tín Niệm Phật Kệ" được Liên Như (Rennyo), vị tổ đời thứ tám của phái Chân Tông, tuyển chọn để cho các tín đồ của phái này tụng đọc hằng ngày (cho tới ngày nay vẫn tiếp tục), là rút tra từ đoạn kết luận của chương nói về "Hành" trong sách này.

---o0o---

129. Thán Dị Sao

1 quyển

Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2661

Sau khi Thân Loan, vị khai tổ phái Tịnh Độ, viên tịch, các đệ tử của ngài có những ý kiến khác nhau về cách giải thích khái niệm chữ "tín" trong giáo lý phái Chân Tông. Vì vậy có người soạn ra sách này – để chỉ trích những xung khắc đó và cũng để giải quyết những ghi vấn của các đệ tử phái Chân Tông bằng cách ghi lại những lời dạy của Thân Loan lúc sanh tiền và làm sáng tỏ ý nghĩa đích thực của "tha lực bản nguyện."

Sách này được chia thành 18 chương, 10 chương đầu ghi chép những lời dạy của Thân Loan mà tác giả đã được nghe trực tiếp. Tám chương còn lại bàn luận và phê phán những ý kiến trái ngược.

Đây có thể là tác phẩm Phật giáo nổi tiếng nhất của Nhật Bổn và đã được dịch ra nhiều ngoại ngữ; tuy nhiên, mãi cho tới thời đại Minh Trị (Meiji) thì sác này mới được nhiều người trong dân gian biết tới.

Có những thuyết khác nhau về chuyện ai là tác giả; nhưng ngày nay phần đông tin rằng do Duy Đan (Yuien) soạn ra.

---o0o---

130. Liên Như Thượng Nhơn Ngự Văn

5 quyển
Do Đan Như Quang Dung (Ennyo Koyu) thu thập
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2668

Nhan đề có nghĩa là "văn thư của ngài Liên Như" và cũng được gọi tắt là "Ngự Văn Chương" hoặc "Ngự Văn,'' là một tuyển tập gồm những thư từ của Liên Như (Rennyo), vị tổ thứ tám của chi phái Chân Tông thuộc Tịnh Độ Tông, gửi cho các tín đồ để bàn về những giáo lý của Chân Tông, và gồm có 80 bức thư, chia thành 5 quyển.

Người ta vẫn chưa biết chắc là ai là người thu thập những bức thư này, nhưng nhiều người tin rằng vị tổ thứ chín là Thực Như (Jitsunyo) đã sai con trai ông là Đan Như (Ennyo) góp lại thành sách.

Nội dung sách này thuộc loại dễ hiểu, và ngày nay vẫn còn được tất cả các chi phái của Chân Tông dùng để tụng đọc và làm đề tài để thuyết giảng giáo lý. Vì vậy, nhiều đoạn văn trong sách đã trở thành quen thuộc đối với độc giả Nhật Bổn hiện đại.

---o0o---

131. Vãng Sanh Yếu Tập

3 quyển
Do Nguyên Tín (Genshin) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2682

Đây là một tuyển tập gồm những đoạn văn quan trọng lựa từ nhiều kinh điển Phật giáo liên quan tới những gì nói về vãng sanh nơi Tây phương cực lạc của Đức Phật A Di Đà, do Nguyên Tín (Genshin), một vị tăng sĩ trụ trì tại chùa Huệ Tâm, Viện Eshin-in ở núi Hiei (Huê Sơn) thu thập.

Sách này được coi là nguồn tư liệu của tư tưởng Phật giáo bàn về cảnh giới cực lạc và địa ngục, và đã tạo ảnh hưởng quan trọng đối với hậu thế, chẳng những trong giới tín đồ Phật giáo và giới nghiên cứu triết học mà còn cả trong những địa hạt văn chương và nghệ thuật.

Một điều nữa cần nên ghi nhận là tư tưởng về "niệm Phật" (nenbutsu) đề ra trong sách này đã dẫn tới sự thành lập nhiều chi phái

khác nhau của Tịnh Độ như là những tông phái độc lập. Vì vậy, nó được coi là giữ địa vị quan trọng nhất trong số những kinh điển cơ bản của Tịnh Độ Tông.

---o0o---

132. Lập Chánh An Quốc Luận

1 quyển
Do Nhựt Liên (Nichiren) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2688

Nhan đề có nghĩa là "luận về chính sách tạo bình an cho quốc gia," là tác phẩm tiêu biểu của Nhựt Liên, vị khai tổ của tông phái Nhựt Liên, và cũng là một bản luận thuyết viết cho một vị Sứ Quân Nhật Bổn đương thời.

Nhựt Liên mở đầu sách với lời bàn luận về nguyên nhân gây ra những thiên tai và nhân họa khiến cho xã hội rối loạn, rồi ngài xác quyết rằng những tai họa đó sẽ biến mất và quốc gia sẽ thái bình nếu toàn quốc tin tưởng vào Kinh Pháp Hoa (số 12).

Nhựt Liên cảm thấy sự nguy hiểm và tin rằng những tai ách xảy ra là vì trong nước thiếu những đạo pháp chân chánh, và sợ rằng nước Nhật sẽ có thể bị ngoại quốc xâm lăng rồi cuối cùng bị hủy hoại. Ngài mạnh mẽ chỉ trích phái Tịnh Độ Tông, và đưa ra những lời trích dẫn từ nhiều kinh điển để hỗ trợ cho quan điểm của mình. Vì hậu quả của sách này Nhựt Liên đã bị lưu đầy ra đảo Y Đậu (Izu).

---o0o---

133. Khai Mục Sao

2 quyển
Do Nhựt Liên (Nichiren) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2689

Nhựt Liên viết ra cuốn sách này – một trong những tác phẩm tiêu biểu của ngài – do sự thúc đẩy của những kinh nghiệm đau lòng mà ngài đã trải qua trong thời gia bị lưu đầy trên các đảo Y Đậu (Izu) và Tả Độ

(Sado). Nội dung đưa ra sự tái thẩm định của tác giả đối với Kinh Pháp Hoa (số 12).

Chữ "Khai Mục" trong nhan đề nghĩa là "mở mắt," ngụ ý rằng mục đích của sách này là để dẫn dắt những người còn ở trình độ thấp về phát triển tinh thần có thể hiểu được tinh túy của Kinh Pháp Hoa cao siêu.

Vì sách được viết bằng Nhật văn thay vì bằng Hán văn, cho nên người ta tin rằng Nhựt Liên viết tác phẩm này với chủ ý cho các đệ tử tại gia của ngài đọc.

---o0o---

134. Quán Tâm Bổn Tôn Sao

1 quyển
Do Nhựt Liên (Nichiren) soạn
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2692

Sách này được coi là kinh điển quan trọng nhất của phái Nhựt Liên Tông. Trong sách Nhựt Liên giảng giải phương pháp và giáo nghĩa về "quán tâm bổn tôn," nghĩa là tụng đọc "đề mục" (daimoku) khi đối diện với đối tượng thờ phụng.

Nhựt Liên tin rằng chân lý căn bản trong vũ trụ, thể hiện trong tâm, bao gồm trong "Diệu Pháp Liên Hoa Kinh" (số 12) và năm chữ Hán này hàm chứa mọi điều. Vì vậy trong sách ngài xác quyết rằng bằng cách tụng đọc "đề mục" – đọc câu "Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh" – người ta có thể hòa nhập vào thế giới của Phật trong khi vẫn giữ sắc thân (xác phàm).

---o0o---

135. Phụ Mẫu Ân Trọng Kinh

1 quyển
Đại Chánh Đại Tạng Kinh số 2587

Nhan đề có nghĩa là "kinh nói về công ơn thâm trọng của cha mẹ," nội dung mô tả tình yêu thương của cha mẹ đối với con cái sâu xa như thế

nào, rồi tác giả nói rằng để đền ơn cha mẹ người ta cử hành lễ Vu Lan, tụng đọc và sao chép "Vu Lan Bồn Kinh" (số 36).

Xét từ hình thức khác thường và nội dung của nó, kinh này thường được coi xuất xứ từ Trung Hoa, và có thể là do bắt nguồn từ ảnh hưởng của Khổng giáo đối với Phật giáo. Dù sao, tác phẩm này rất phổ biến, thường được trích dẫn trong những tác phẩm văn chương, và nhiều người đã viết những bản bình luận về nó.

---o0o---

136. Bát Tông CươngYếu

2 quyển
Do Ngưng Nhiên (Gyonen) soạn

Nhan đề có nghĩa là "những điều cốt yếu của tám tông phái," nội dung nói giản lược về lịch sử và giáo lý của tám tông phái Phật giáo chính yếu ở Nhật Bổn vào thời của tác giả, đó là 6 tông phái du nhập vào Nhật Bổn ở Thời Đại Nại Lương và 2 tông phái do Tối Đằng (Saicho) và Không Hải (Kukai) đưa vào Nhật Bổn trong Thời Đại Bình An. Vì vậy có thể nói rằng tác phẩm này là sách nhập môn đưa vào Phật giáo Nhật Bổn.

Quyển thượng gồm một bài mở đầu và những phần nói về phái Câu Xá tông (Kusha), Thành Thật tông (Jojitsu), và Luật tông. Quyển hạ nói về các phái Pháp Tướng tông (Hosso), Tam Luận tông (Sanron), Thiên Thai tông (Tendai), Hoa Nghiêm tông (Kegon) và Chân Ngôn tông (Shingon), kế tiếp là những lời bình luận đơn giản về hai phái Thiền tông và Tịnh Độ tông.

---o0o---

137. Tam Giáo Chỉ Qui

3 quyển
Do Không Hải (Kubai) soạn
Tạng Ngoại

Sách này của Không Hải (Kukai), vị khai tổ của phái Chân Ngôn (Shingon), có thể được coi như tuyên ngôn của tác giả về chí hướng

xuất gia đi tu, và cũng là tác phẩm đầu tiên của ngài. Nhan đề có nghĩa là "chỉ về những mục tiêu của ba giáo lý."

Bản sơ thảo của sách lúc đầu đặt tên là "Lung Cổ Chỉ Qui" ("chỉ về mục tiêu cho người điếc và mù"), bắt đầu viết khi tác giả 18 tuổi, và tới khi 24 tuổi ngài hoàn thành bản đã sửa chữa này.

"Tam Giáo" là ba tôn giáo Nho giáo, Lão giáo và Phật giáo. Trong sách này Không Hải bàn luận và so sánh những ưu và khuyết điểm của chúng, và xác quyết rằng việc trở thành một tăng sĩ Phật giáo mới đích thực là biểu hiện lòng hiếu thảo – ngài muốn biện hộ cho hành động đi tu của mình đối với lời chỉ trích của những người trong gia đình.

---o0o---

138. Mạt Pháp Đăng Minh Ký

1 quyển
Tạng Ngoại

Nhan đề có nghĩa là "luận về ngọn đèn ở thời mạt pháp." Thời trước có những người cho rằng sau khi Đức Phật Thích Ca nhập diệt, việc tu trì những giáo lý chân chính của ngài sẽ dần dần bị sao lãng, trải qua ba thời kỳ suy thoái từ "chánh pháp" tới "tượng pháp" và "mạt pháp". Trong sách này biện luận rằng vì những ngày mạt pháp đã gần kề, đừng nên loại bỏ những tăng sĩ nào không tu trì đầy đủ những giới luật của tự viện. Sách này chỉ trích chủ trương của những tông phái Phật giáo bắt nguồn từ thời đại Nại Lương cho rằng cần phải tuân thủ nghiêm ngặt những giáo qui của Tiểu Thừa đối với những người xuất gia tu hành.

Những ý kiến trong sách nhận được sự hoan nghênh từ những tông phái mới của thời đại Liêm Thương (Kamakura) sau này, và nhiều nhà lãnh đạo tông giáo của thời đại đó đã trích dẫn tác phẩm này trong các sách của họ để biện minh cho tình trạng tu hành của tăng sĩ vào thời mạt pháp. Vì vậy có thể có đây là tác phẩm đã tạo ảnh hưởng quan trọng cho thái độ đối với giới luật tu hành của Phật giáo Nhật Bổn về sau này.

---o0o---

139. Thập Thất Điều Hiến Pháp

Do Thái Tử Thánh Đức (Shotoku) soạn
Tạng Ngoại

Nhan đề của sách "Thập Thất Điều Hiến Pháp" (mười bảy điều khoản hiến pháp) được ghi trong "Nhật Bổn Thư Kỷ" là "Hiến Pháp Thập Thất Điều." Đây là cuốn sách luật xưa cũ nhất của Nhật Bổn.

Như nhan đề cho thấy, sách này bao gồm 17 điều khoản, nhưng không giống các sách về luật pháp và hiến pháp ngày nay, thật ra nó gồm những điều khuyên răn về chính trị và đạo đức dành cho các quan lại và những người cầm đầu các gia tộc nhiều quyền thế đương thời. Nội dung nhấn mạnh vào những vấn đề như tôn kính uy quyền của thiên hoàng, và sự cai trị công minh; nhưng toàn bộ tác phẩm bao hàm tinh thần Phật giáo, và cũng có những đoạn nói tới đạo đức của Nho giáo.

Những câu như "Dĩ hòa vi quí" và "Tôn kính Tam Bảo" trong điều khoản thứ nhất và thứ nhì đã trở thành nổi tiếng; trong khi câu "Sự quyết định về những vấn đề trọng đại không thể cho một cá nhân đơn độc quyết đoán," trong điều khoản 17 và cuối cùng, có thể coi như đi tiên phong đối với tư tưởng dân chủ ngày nay.

-- o0o ---

HẾT